

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ  
**Điều tra biến động dân số  
và kế hoạch hóa gia đình  
thời điểm 1/4/2013**

HÀ NỘI, THÁNG 02 NĂM 2013



# MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA CUỘC ĐIỀU TRA, VAI TRÒ VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐIỀU TRA VIÊN.....	1
1.1 Mục đích, yêu cầu của cuộc điều tra.....	1
1.2 Vai trò và nhiệm vụ của điều tra viên.....	1
CHƯƠNG 2: NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ NGHIỆP VỤ ĐIỀU TRA.....	4
2.1 Thời điểm điều tra.....	4
2.2 Thời gian điều tra.....	4
2.3 Phương pháp thu thập thông tin.....	4
2.4 Đối tượng điều tra.....	5
2.5 Đơn vị điều tra và người cung cấp thông tin.....	5
2.6 Nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ.....	6
2.7 Những nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ đã chết trong khoảng thời gian từ ngày 1 Tết Âm lịch Nhâm Thìn năm 2012 (tức ngày 23/01/2012 dương lịch) đến hết ngày 31/3/2013.....	9
2.8 Sơ đồ địa bàn điều tra và bảng kê số nhà, số hộ, số người.....	9
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ PHÒNG VẤN VÀ HOÀN THÀNH PHIẾU ĐIỀU TRA.....	15
3.1 Xây dựng mối quan hệ tốt với người trả lời.....	16
3.2 Yêu cầu đối với ĐTV khi tiến hành phỏng vấn.....	16
3.3 Quy định về nêu câu hỏi và ghi phiếu điều tra.....	17
3.4 Sửa lỗi.....	21
3.5 Kiểm tra các phiếu điều tra đã hoàn thành.....	22
CHƯƠNG 4: HƯỚNG DẪN CÁCH HỎI VÀ GHI PHIẾU ĐIỀU TRA.....	24
4.1 Giới thiệu phiếu điều tra.....	24
4.2 Cách ghi các thông tin trên trang bìa của phiếu.....	25
4.3 Cách hỏi và ghi thông tin trả lời vào phiếu điều tra.....	29

Phần 1: THÔNG TIN CỦA CÁC THÀNH VIÊN TRONG HỘ.....	29
Phần 2: THÔNG TIN VỀ PHỤ NỮ TỪ 15-49 TUỔI.....	44
Phần 3: THÔNG TIN VỀ NGƯỜI CHẾT CỦA HỘ.....	53
CHƯƠNG 5: CÔNG TÁC GIÁM SÁT ĐIỀU TRA.....	60
5.1 Nhiệm vụ của tổ trưởng điều tra.....	60
5.2 Tổ chức công tác giám sát.....	62
5.3 Một số vấn đề cần chú ý trong giám sát.....	62
5.4 Lập báo cáo nhanh kết quả điều tra.....	63
PHỤ LỤC .....	65

# CHƯƠNG 1

## MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA CUỘC ĐIỀU TRA, VAI TRÒ VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐIỀU TRA VIÊN

### 1.1 Mục đích, yêu cầu của cuộc điều tra

Mục đích của cuộc Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình thời điểm 1/4/2013 nhằm thu thập các thông tin đại diện cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, khu vực thành thị, nông thôn của các vùng và cả nước về:

- Số dân, tình hình biến động dân số;
- Mức độ sử dụng các biện pháp tránh thai, tình hình hút điều hòa kinh nguyệt và nạo phá thai.

### 1.2 Vai trò và nhiệm vụ của điều tra viên

Điều tra viên (ĐTV) là người đến từng hộ, gặp chủ hộ (hoặc người đại diện của hộ) và các nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ để trực tiếp phỏng vấn và ghi phiếu điều tra; đồng thời thu thập thông tin về các trường hợp chết trong khoảng thời gian từ ngày 1 Tết Âm lịch Nhâm Thìn năm 2012 (tức ngày 23/01/2012 dương lịch) đến hết ngày 31/3/2013 của các hộ thuộc phạm vi ranh giới địa bàn mình phụ trách. Vì vậy, đội ngũ cán bộ điều tra mà trước hết là ĐTV là người quyết định mức độ chính xác của từng câu trả lời ghi trong phiếu điều tra. ĐTV có những nhiệm vụ cụ thể sau:

#### • *Trong giai đoạn chuẩn bị*

1. *Tham dự tập huấn nghiệp vụ điều tra:* tham dự đầy đủ, nghiêm túc các buổi tập huấn nghiệp vụ điều tra. Không bỏ bất cứ một buổi lên lớp nào (hướng dẫn nghiệp vụ, thảo luận và làm bài tập) cũng như đi thực tập tại địa bàn. Chú ý nghe giảng, nghiên cứu kỹ tài liệu, liên hệ với tình hình thực tế của địa phương để nắm vững phạm vi trách nhiệm của mình, cụ thể hoá các vấn đề nghiệp vụ và phương pháp điều tra, ghi và bảo quản phiếu;

2. *Nhận đầy đủ các tài liệu, phương tiện điều tra từ tổ trưởng (TT) như:* phiếu điều tra; cặp đựng tài liệu điều tra; sơ đồ địa bàn điều tra (nếu có); bảng kê số nhà, số hộ và số người; tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ điều tra; bút bi, vở ...;

3. *Chuẩn bị địa bàn điều tra:* Trong thời gian soát xét sơ đồ và bảng kê, phải nhận bàn giao địa bàn điều tra (ĐBĐT) từ TT điều tra cả trên giấy (sơ đồ, bảng kê) và trên thực địa. Kiểm tra, đối chiếu toàn bộ các ngôi nhà (kể cả có người ở và không có người ở) có trong địa bàn và bảng kê số nhà, số hộ, số người. Phát hiện những ngôi nhà có người ở, những hộ và những nhân khẩu thực tế thường trú trong phạm vi địa bàn mình phụ trách bị bỏ sót hoặc mới chuyển đến để bổ sung, hiệu chỉnh sơ đồ và bảng kê;

4. *Thăm và hẹn ngày làm việc cụ thể với từng hộ:* Nói cách khác là lên lịch cụ thể cho ngày điều tra đầu tiên và những ngày tiếp theo nhằm tránh phải trở lại hộ nhiều lần. Phát hiện những hộ có thể đi vắng trong suốt thời gian điều tra để có kế hoạch điều tra phù hợp.

#### • *Trong giai đoạn điều tra*

1. *Tuyên truyền mục đích, ý nghĩa của cuộc Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình thời điểm 1/4/2013 trong nhân dân, đặc biệt là trước khi tiếp xúc với hộ;*

2. *Thực hiện đúng phương pháp thu thập thông tin là **phỏng vấn trực tiếp**.*

3. *Xác định đầy đủ số hộ thuộc địa bàn mình phụ trách:* Việc phỏng vấn, ghi phiếu phải tuân thủ đúng những quy định về nghiệp vụ và quy trình phỏng vấn, bảo đảm không điều tra trùng hoặc bỏ sót một đối tượng điều tra (ĐTĐT) nào, cũng như không ghi thừa hay bỏ sót một mục nào trên phiếu.

4. *Điều tra theo đúng tiến độ quy định:* Công tác điều tra ghi phiếu tại địa bàn được thực hiện trong khoảng 20 ngày, bắt đầu từ ngày 1/4/2013. Quy định mỗi ĐTV phải điều tra bình quân 06 hộ trong 1 ngày, riêng 02 ngày đầu chỉ cho phép mỗi điều tra viên phỏng vấn không quá 04 hộ trong 1 ngày nhằm giúp ĐTV khắc phục hết các sai sót xảy ra, nhất là các lỗi hệ thống trong phỏng vấn và ghi phiếu. Định mức này bao gồm cả thời gian di chuyển trong địa bàn. Các ngày sau tốc độ tăng dần để hoàn thành điều tra toàn bộ ĐTĐT của địa bàn vào ngày cuối cùng theo kế hoạch. Chống tư tưởng chủ quan, lướt nhanh, làm ẩu dẫn đến kết quả kém chính xác.

5. *Cuối mỗi ngày điều tra, kiểm tra lại các phiếu đã ghi, phát hiện các sai sót để sửa chữa kịp thời, nếu cần thiết phải quay lại hộ để xác minh và sửa chữa. Việc sửa chữa những sai sót phải theo đúng quy định. Sắp xếp những phiếu đã hoàn thành theo số thứ tự hộ từ nhỏ đến lớn. Báo cáo tiến độ và nộp cho TT số phiếu*

đã hoàn thành trong ngày để TT kiểm tra chất lượng ghi phiếu. Xác minh những sai sót ghi trên phiếu mà TT yêu cầu.

6. *Hợp tác với các ĐTV khác, phục tùng sự chỉ đạo của TT điều tra và giám sát viên (GSV) các cấp:* Trong thời gian thực thi nhiệm vụ của mình, ĐTV phải chấp hành nghiêm chỉnh sự điều hành của TT, những ý kiến đóng góp của GSV các cấp. Có tinh thần tương trợ, giúp đỡ các ĐTV khác về nghiệp vụ cũng như về công việc.

7. *Giữ gìn phiếu và các tài liệu điều tra sạch sẽ, an toàn, đồng thời không được tiết lộ các thông tin ghi trên phiếu cho người khác biết.*

#### • *Khi kết thúc điều tra*

1. *Soát xét trên bảng kê* xem có còn hộ nào, người nào thuộc ĐTĐT của địa bàn mà chưa được điều tra ghi phiếu. Nếu có, phải tiến hành điều tra bổ sung.

2. *Sắp xếp các tài liệu, giao nộp phiếu và tài liệu cho TT*

- Sắp xếp các phiếu theo số thứ tự hộ từ nhỏ đến lớn theo địa bàn mình phụ trách.

- Trong mỗi cặp đựng tài liệu của từng địa bàn điều tra, phiếu điều tra đã hoàn thiện của một địa bàn được sắp xếp theo thứ tự hộ từ nhỏ đến lớn và cho vào cặp đựng tài liệu. Với hộ có từ 2 phiếu trở lên, thì xếp theo thứ tự từ nhỏ đến lớn của “Phiếu số” (trong “Đây là tập phiếu số ... trong ... tập phiếu” ở trang bìa), **không lồng các tập phiếu đó vào nhau.**

- Giao nộp và ký biên bản bàn giao kết quả điều tra cho TT hoặc GSV của Chi Cục Thống kê huyện, quận được giao nhiệm vụ nghiệm thu và nhận bàn giao phiếu điều tra.

## CHƯƠNG 2 NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ NGHIỆP VỤ ĐIỀU TRA

### 2.1 Thời điểm điều tra

Cuộc điều tra được tiến hành theo thời điểm 0 giờ ngày 1/4/2013. Trong thời gian điều tra, dù ĐTV đến hộ để phỏng vấn ghi phiếu vào bất kỳ ngày, giờ nào, thì cũng phải lấy mốc thời điểm là 0 giờ ngày 1/4/2013 (hay 12 giờ đêm ngày 31/3/2013) để xác định số nhân khẩu thực tế thường trú (TTTT) tại hộ và các đặc trưng cá nhân của họ để ghi phiếu. Đối với các câu hỏi về tình hình di cư, tử vong và kế hoạch hóa gia đình, ĐTV phải căn cứ vào khoảng thời gian thu thập thông tin để xác định đầy đủ các sự kiện.

### 2.2 Thời gian điều tra

Thời gian điều tra là thời gian thu thập thông tin của từng địa bàn. Thời gian điều tra ở địa bàn khoảng 20 ngày, bắt đầu từ ngày 1/4/2013 (bao gồm cả thời gian di chuyển).

Cuộc điều tra thu thập thông tin về các sự kiện biến động tự nhiên dân số (sinh, chết) xảy ra trong thời gian từ ngày 1 Tết Âm lịch Nhâm Thìn năm 2012 (tức ngày 23/01/2012 dương lịch) đến hết ngày 31/3/2013 và các trường hợp chuyển đến và chuyển đi khỏi địa bàn trong khoảng thời gian nói trên trong phạm vi các địa bàn điều tra được chọn.

### 2.3 Phương pháp thu thập thông tin

Thu thập thông tin ở các hộ phải được thực hiện bằng phương pháp **phỏng vấn trực tiếp** chủ hộ (thông tin về hộ và người chết của hộ) và đối tượng điều tra (phụ nữ từ 15-49 tuổi). ĐTV phải **đến từng hộ** để hỏi người cung cấp thông tin và ghi đầy đủ các câu trả lời vào phiếu điều tra.

Đối với những người tạm vắng trong suốt thời gian điều tra, ĐTV có thể hỏi những người khác trong hộ, hoặc dựa vào những tài liệu do người thân hoặc chính quyền cung cấp để ghi vào các mục của phiếu điều tra.



## 2.4 Đối tượng điều tra

Đối tượng điều tra là toàn bộ các hộ dân cư và nhân khẩu thực tế thường trú trên các địa bàn điều tra được chọn, kể cả các hộ quân đội và công an đang sống trong khu dân cư của xã, phường, thị trấn (riêng những người đang sống trong khu vực quản lý riêng của quân đội và công an thì không điều tra).

## 2.5 Đơn vị điều tra và người cung cấp thông tin

**1. Đơn vị điều tra là hộ dân cư:** Hộ dân cư bao gồm một người hoặc một nhóm người ở chung và ăn chung, họ có thể có hoặc không có quan hệ ruột thịt, hôn nhân, hoặc nuôi dưỡng, có hoặc không có quỹ thu chi chung.

Một hộ thường sử dụng toàn bộ hay một phần của một đơn vị nhà ở, nhưng cũng có những hộ sống trong các lều/lán/trại/nhà trọ/khách sạn; hoặc nhà tập thể, doanh trại, ký túc xá, v.v ... , hoặc không có nhà ở.

Trong hầu hết các trường hợp, một hộ chỉ bao gồm những người có quan hệ ruột thịt, họ hàng, như bố mẹ và các con, hoặc các gia đình nhiều thế hệ. Trong một số ít trường hợp khác, những người chỉ có quan hệ họ hàng xa hoặc thậm chí không có quan hệ họ hàng cũng là thành viên của một hộ.

Những người giúp việc gia đình, người ở trọ và những người không có quan hệ họ hàng cũng được tính chung vào hộ, nếu họ thường xuyên ngủ chung và ăn chung trong đơn vị nhà ở của hộ, và được xác định là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ mà họ giúp việc hay ở trọ.

Thông thường, một hộ gồm những người ở chung trong một đơn vị nhà ở. Tuy nhiên, trong một số trường hợp khi có hai nhóm gia đình trở lên hoặc có hai nhóm người trở lên không có quan hệ họ hàng ở chung trong một đơn vị nhà ở nhưng không ăn chung với nhau, mỗi nhóm gia đình như vậy tạo thành một hộ.

Một người tuy ở chung trong đơn vị nhà ở với một hộ nhưng lại nấu ăn riêng hoặc ăn ở nơi khác, thì người đó không được coi là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ, mà phải tách ra thành một hộ riêng.

Nếu hai nhóm người tuy ăn chung nhưng lại ngủ riêng ở hai đơn vị nhà ở khác nhau, thì hai nhóm này tạo thành hai hộ khác nhau. Trường hợp đặc biệt, khi các trẻ em (hoặc người già) đang phụ thuộc kinh tế vào bố/mẹ (hoặc con) nhưng lại ngủ ở (các) đơn vị nhà ở gần đó (hộ có nhiều nơi ở), thì quy ước coi số trẻ em (hoặc người già) này là thành viên hộ của bố/mẹ (hoặc con), và được điều tra chung vào một hộ.

**Chú ý:** Công nhân viên sống độc thân trong các khu nhà tập thể, lán trại trong các khu công nghiệp, công trường, hầm mỏ, v.v..., hoặc thuê nhà để ở (kể cả học sinh các trường dạy nghề, các trường chuyên nghiệp không cư trú trong khu nội trú của trường mà thuê nhà để ở), thì quy ước mỗi phòng ở (căn hộ ở) là một đơn vị điều tra.

## **2. Người cung cấp thông tin**

Chủ hộ (hoặc người lớn am hiểu về các thành viên trong hộ, khi chủ hộ đi vắng) là người cung cấp thông tin chính. Đối với những thông tin chủ hộ không nắm chắc, ĐTV phải phỏng vấn trực tiếp các nhân khẩu thực tế thường trú trong hộ.

Riêng các câu hỏi điều tra về sinh đẻ và tình hình sử dụng biện pháp tránh thai, ĐTV phải phỏng vấn trực tiếp phụ nữ từ 15-49 tuổi.

### **2.6 Nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ**

**1. Nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ:** là những người thực tế vẫn thường xuyên ăn ở tại hộ tính đến thời điểm điều tra đã được 6 tháng trở lên và những người mới chuyển đến ở ổn định tại hộ, không phân biệt họ đã hay chưa được đăng ký hộ khẩu thường trú. Nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ, bao gồm:

*a. Những người vẫn thường xuyên ăn ở tại hộ tính đến thời điểm điều tra đã được 6 tháng trở lên, gồm:*

- ✓ Những người vẫn thường xuyên ăn ở tại hộ, tính đến thời điểm điều tra đã được 6 tháng trở lên và hiện còn đang ở đó, không phân biệt họ đã hay chưa được đăng ký hộ khẩu thường trú (bao gồm cả những người làm trong ngành công an, quân đội thường xuyên ăn ở tại hộ; nhưng không tính người nước ngoài chưa nhập quốc tịch Việt Nam vẫn thường xuyên ăn ở tại hộ);

- ✓ Những người tuy đã có giấy tờ di chuyển, nhưng đến thời điểm điều tra họ vẫn chưa rời khỏi hộ để đến nơi ở mới (giấy gọi nhập ngũ, giấy chiêu sinh, quyết định tuyển dụng, chuyển công tác, v.v...).

*b. Những người mới chuyển đến ở ổn định tại hộ trước thời điểm điều tra, bao gồm:*

- ✓ Trẻ em mới sinh trước thời điểm điều tra;
- ✓ Những người đã rời hẳn nơi ở cũ đến ở ổn định tại hộ và có giấy chứng nhận di chuyển, không kể thời gian họ đã chuyển đến hộ được bao lâu, hiện đang ăn ở tại hộ;
- ✓ Những người đã rời nơi ở cũ, tuy không có giấy tờ chứng nhận sự di chuyển, nhưng đã xác định rõ họ chuyển đến ở ổn định tại hộ như: về ở nhà chồng/nhà vợ để làm dâu/làm rể, đến ở làm con nuôi; cán bộ, công nhân viên chức, bộ đội, công an nghỉ theo chế độ hưu trí, mất sức đã trở về ở hẳn với gia đình, v.v...;
- ✓ Những quân nhân, công an đào ngũ, đào nhiệm (đã có giấy báo của đơn vị hoặc có một căn cứ xác đáng khác) hiện đang cư trú tại hộ;
- ✓ Những người đang ăn ở tạm thời trong hộ nhưng họ không có bất kỳ một nơi thường trú nào khác.

*c. Đối với những người rời hộ đi làm ăn ở nơi khác, quy ước:*

- ✓ Đi cả hộ: Điều tra tại nơi mà họ hiện đang cư trú;
- ✓ Chỉ đi một hay một số người trong hộ:
  - + Nếu tính đến thời điểm điều tra, họ đã rời gia đình (nơi ở cũ) **từ 6 tháng trở lên**, thì điều tra tại nơi mà họ hiện đang cư trú;
  - + Nếu tính đến thời điểm điều tra, họ đã rời gia đình (nơi ở cũ) **dưới 6 tháng**, thì điều tra tại gia đình (nơi ở cũ) của họ. Riêng những người đi đánh bắt hải sản, đi tàu viễn dương, đi buôn chuyên, đi công tác, ... đã rời gia đình (nơi ở cũ) **từ 6 tháng trở lên**, thì cũng điều tra tại gia đình (nơi ở cũ).

*d. Những người tạm vắng:*

Là những người lâu nay vẫn thường xuyên ăn ở tại hộ, nhưng tại thời điểm điều tra, họ tạm vắng, gồm:

- ✓ Những người đang đi nghỉ hè, nghỉ lễ, đi công tác, đi du lịch hoặc học tập, đào tạo ở trong nước dự định sẽ quay trở lại kể từ ngày ra đi trong thời hạn 6 tháng;
- ✓ Đang làm việc hoặc học tập trong nước nhưng về gia đình ít nhất mỗi tuần một lần;
- ✓ Những người được cơ quan có thẩm quyền cho phép đi làm việc, công tác, học tập, chữa bệnh, du lịch ở nước ngoài, tính đến thời điểm điều tra họ vẫn còn ở nước ngoài trong thời hạn quy định.
- ✓ Những người đang chữa bệnh nội trú trong các bệnh viện, cơ sở điều dưỡng trong thời hạn 6 tháng;
- ✓ Những người đang bị ngành quân đội, công an tạm giam/giữ trong thời hạn 6 tháng.

Theo quy định, những người bị tạm giữ là những người vì lý do nào đó mà bị cơ quan có thẩm quyền bắt giữ trong thời hạn 3 ngày, và được gia hạn tạm giữ tối đa không quá 2 lần, mỗi lần 3 ngày. Theo luật định, tổng số ngày tạm giữ một người không được quá 9 ngày. Quá thời hạn đó, gọi là tạm giam (đã bị Viện Kiểm sát ra lệnh bắt giam).

Những “*nhân khẩu tạm vắng*” được gọi là “*nhân khẩu tạm trú*” tại địa bàn nơi họ có mặt tại thời điểm điều tra. Tất cả các nhân khẩu “*tạm vắng*” và “*tạm trú*” đều phải được điều tra, đăng ký tại nơi thực tế thường trú của họ.

## **2. Những người sau đây không được tính là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ:**

- Trẻ em mới sinh sau thời điểm điều tra;
- Những người chết trước thời điểm điều tra;
- Những người đã chuyển đi hẳn khỏi hộ trước thời điểm điều tra;
- Những người mới chuyển đến ăn ở ổn định tại hộ sau thời điểm điều tra;
- Những người đi làm ăn ở nơi khác tính đến thời điểm điều tra đã được 6 tháng trở lên (không kể những người đi đánh bắt hải sản, đi tàu viễn dương, đi buôn chuyến, đi công tác ... từ 6 tháng trở lên);
- Những người đã cư trú ổn định ở nước ngoài (có hoặc không có giấy xuất cảnh), kể cả những người đã ở nước ngoài quá thời hạn quy định;

- Những người rời gia đình (nơi ở cũ) đi làm ăn đến ở tạm thời tại hộ chưa được 6 tháng tính đến thời điểm điều tra (trừ những người không có bất kỳ một nơi thực tế thường trú nào khác);
- Những người đến một hộ nào đó để chơi, thăm, trợ học phổ thông, ...;
- Người nước ngoài chưa nhập quốc tịch Việt Nam (mang quốc tịch nước ngoài) đang cư trú tại hộ.

### **3. Một số điểm cần chú ý khi xác định nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ**

*a. Đối với những người có hai hoặc nhiều nơi ở:* những người này được xác định là nhân khẩu thực tế thường trú tại nơi mà họ có thời gian ăn ngủ nhiều hơn (nơi ở chính):

- *Nếu các nơi ở của hộ cùng nằm trên phạm vi lãnh thổ của một địa bàn:* sẽ điều tra đăng ký hộ tại nơi được xác định là nơi ở chính;
- *Nếu các nơi ở của hộ thuộc phạm vi lãnh thổ của nhiều địa bàn khác nhau trong cùng một xã/phường hoặc khác xã/phường:* Đến thời điểm điều tra, ai được xác định là nhân khẩu thực tế thường trú ở địa bàn nào (nơi ở chính) sẽ do ĐTV phụ trách địa bàn đó điều tra đăng ký.

*b. Đối với những người ăn một nơi, ngủ một nơi:* những người này được xác định là nhân khẩu thực tế thường trú tại nơi mà họ ngủ.

**2.7 Những nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ đã chết** trong khoảng thời gian từ ngày 1 Tết Âm lịch Nhâm Thìn năm 2012 (tức ngày 23/01/2012 dương lịch) đến hết ngày 31/3/2013. Bao gồm:

- Những người đã từng là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ (kể cả trẻ em mới sinh, những người mới chuyển đến), nhưng đã chết trong khoảng thời gian từ ngày 1 Tết Âm lịch Nhâm Thìn năm 2012 (tức ngày 23/01/2012 dương lịch) đến hết ngày 31/3/2013;
- Những người mới chuyển đến ở tạm thời tại hộ nhưng không có bất kỳ một nơi thường trú nào khác đã chết trong khoảng thời gian nói trên.

### **2.8 Sơ đồ địa bàn điều tra và bảng kê số nhà, số hộ, số người**

#### **1. Địa bàn điều tra và sơ đồ địa bàn điều tra**

a. *Địa bàn điều tra*: là khu vực dân cư được phân định trong Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, có ranh giới rõ ràng hoặc tương đối rõ ràng để giao cho ĐTV phỏng vấn ghi phiếu. Mỗi địa bàn điều tra được thể hiện bằng một sơ đồ được gọi là “Sơ đồ địa bàn điều tra”.

b. *Sơ đồ địa bàn điều tra*: là sơ đồ, trên đó thể hiện:

- Phạm vi, ranh giới của địa bàn, các con đường, phố, ngõ, hẻm ... và các đặc điểm dễ nhận biết khác như: trụ sở uỷ ban nhân dân, chợ, bệnh viện, trường học, sông, kênh rạch, rừng núi, ruộng vườn, ao hồ, cầu cống, v.v...
- Số thứ tự của các địa bàn điều tra hoặc tên của (các) xã, huyện, tỉnh hoặc tên quốc gia giáp ranh.
- Tổng số các ngôi nhà có người ở và không có người ở (kể cả những nơi không có nhà nhưng có người cư trú thường xuyên).
- Hướng đi đến từng ngôi nhà/nơi ở có trong địa bàn, bắt đầu từ ngôi nhà có người ở đầu tiên.
- Số thứ tự của các ngôi nhà có người ở được đánh số thứ tự theo số tự nhiên liên tiếp, bắt đầu từ số “1” và số tầng nhà của từng ngôi nhà có người ở; và của những nơi không có nhà nhưng có người cư trú thường xuyên (A1, A2, A3, ...).

2. ***Bảng kê số nhà, số hộ, số người***: Là bảng liệt kê các ngôi nhà, căn hộ có người ở, các hộ và số nhân khẩu thực tế thường trú của từng hộ trong địa bàn, theo một số tiêu thức chính về hộ và nhân khẩu, kể cả những nơi không có nhà nhưng có người cư trú thường xuyên.

Nội dung của "Bảng kê số nhà, số hộ, số người" thể hiện: số thứ tự nhà của từng ngôi nhà/căn hộ/nơi không có nhà nhưng có người cư trú thường xuyên trong ĐBĐT, số thứ tự hộ của các hộ cư trú trong ĐBĐT, họ và tên chủ hộ, địa chỉ của hộ và số nhân khẩu thực tế thường trú của mỗi hộ (tổng số người, số nữ). ĐTV không được lệ thuộc vào các số liệu đã thể hiện trên bảng kê mà phải áp dụng đúng quy trình để xác định chính xác số nhân khẩu thực tế thường trú tại mỗi hộ tính đến thời điểm điều tra. Phần cuối của bảng kê (các Cột 9, 10 và 11)

dành cho ĐTV ghi tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (trong đó: số nữ) và các điểm cần ghi chú của từng hộ thực tế đã điều tra được (Phụ lục 1).

### **3. Sử dụng sơ đồ và bảng kê**

#### *a. Trong thời gian rà soát sơ đồ và bảng kê trước thời điểm điều tra*

Trước thời điểm điều tra 02 ngày, ĐTV phải đi thực địa để rà soát địa bàn trước thời điểm điều tra. ĐTV phải mang theo sơ đồ và bảng kê ĐBĐT để kiểm tra, đối chiếu với thực địa xem có trùng với nhau về các khía cạnh sau không:

- Ranh giới của địa bàn, tổng số ngôi nhà, căn hộ có người ở và những nơi không có nhà nhưng có người cư trú thường xuyên (gọi tắt là nơi ở); vị trí của từng ngôi nhà/căn hộ/nơi ở và các vật định hướng trong địa bàn;
- Đường đi lối lại trong địa bàn, hướng đi đến từng ngôi nhà/căn hộ/nơi không có nhà nhưng có người cư trú thường xuyên;
- Số thứ tự ngôi nhà/căn hộ/nơi ở trên sơ đồ và bảng kê, số hộ cư trú trong mỗi ngôi nhà/căn hộ/nơi không có nhà nhưng có người cư trú thường xuyên đó, họ và tên chủ hộ.

Hẹn các hộ lịch thời gian đến hộ để phỏng vấn ghi phiếu.

Trong thời gian rà soát sơ đồ và bảng kê, nếu phát hiện có chỗ nào mà sơ đồ và bảng kê không khớp với thực địa, thì ĐTV phải hiệu chỉnh, bổ sung sơ đồ và bảng kê cho phù hợp với thực tế theo đúng quy định. Những ký hiệu sử dụng để vẽ sơ đồ được trình bày tại Phụ lục 2. Những vấn đề đó có thể là: đường ranh giới không rõ ràng; các con đường, các ngôi nhà và các vật định hướng vẽ sai vị trí, quy trình đi lại không hợp lý, có những ngôi nhà có người cư trú thường xuyên không được thể hiện trên sơ đồ và bảng kê (bỏ sót trong thời gian hiệu chỉnh sơ đồ và bảng kê), ghi sai họ và tên chủ hộ; hoặc có những thay đổi về đặc điểm địa lý, như: có những con đường mới làm, ao hồ bị san lấp, có ngôi nhà mới xây dựng có người đến ăn ở thường xuyên, nhà bị phá huỷ, v.v...

*Cách hiệu chỉnh, bổ sung sơ đồ và bảng kê như sau:*

- Trường hợp phát hiện ngôi nhà có người thường xuyên cư trú bị bỏ sót: Vẽ ký hiệu nhà lên sơ đồ tương ứng với vị trí trên thực địa. Ghi số thứ tự nhà là số tiếp theo số thứ tự nhà cuối cùng có trên sơ đồ vào bên trong ký hiệu của ngôi nhà đó (và số tầng nhà của ngôi nhà đó nếu ngôi nhà có từ 2 tầng trở lên). Trên bảng kê, lấy số thứ tự của ngôi nhà bị bỏ sót đã ghi trên sơ đồ để ghi vào dòng cuối cùng của bảng kê, ghi số thứ tự hộ của (những) hộ cư trú trong ngôi nhà đó là (những) số thứ tự tiếp theo số thứ tự hộ cuối cùng có trong bảng kê.
- Trường hợp phát hiện ngôi nhà khi vẽ sơ đồ không có người thực tế thường trú, hiện đã có người đến cư trú thường xuyên (có chữ “K” bên trong ký hiệu nhà), hoặc ngôi nhà khi lập bảng kê còn đang xây dựng (có chữ “ĐXD” bên trong ký hiệu nhà), hiện đã xây dựng xong (hoặc vẫn còn đang xây dựng) nhưng đã có người chuyển đến cư trú thường xuyên: dùng bút bi gạch ngang hai đường song song lên chữ “K” (nhà không có người cư trú thường xuyên), hoặc chữ “ĐXD” (nhà đang xây dựng, không có người cư trú thường xuyên). Sau đó, ghi số thứ tự nhà và số thứ tự hộ cho (những) hộ cư trú thường xuyên trong (những) ngôi nhà đó lên sơ đồ và bảng kê giống trường hợp trên.
- Trường hợp (những) hộ cư trú trong ngôi nhà đó chuyển hẳn đi nơi khác, ngôi nhà bị bỏ trống hoặc cho người khác thuê chỉ để bán hàng mà không có ai cư trú thường xuyên ở đó: Dùng bút gạch ngang hai đường song song lên số thứ tự nhà và ghi chữ “K” (hoặc cụm từ “CH”) vào bên trong ô ký hiệu của ngôi nhà đó trên sơ đồ. Gạch ngang 1 đường chạy suốt các cột từ cột 1 đến cột 8 của dòng tương ứng với hộ đã chuyển đi trong bảng kê, sau đó ghi câu “Đã chuyển đi cả hộ” vào Cột 11 “Ghi chú”. Không đánh lại số thứ tự nhà trên sơ đồ cũng như trong bảng kê (trong trường hợp này, sẽ có số thứ tự nhà cách quãng).

#### *b. Trong thời gian điều tra*

Trong suốt thời gian đi điều tra tại địa bàn, ĐTV phải mang theo sơ đồ và bảng kê ĐBĐT để:

**b.1.** Trước khi vào mỗi nhà, ĐTV phải đối chiếu số thứ tự nhà, số thứ tự hộ trên bảng kê có đúng là ngôi nhà/nơi ở và hộ mà mình định đến để điều tra không.



**b.2.** Trước khi tiến hành phỏng vấn ghi phiếu, ĐTV phải xác định xem họ và tên chủ hộ có trùng với họ và tên chủ hộ đã ghi trên bảng kê không. Trường hợp không trùng thì giải quyết như sau:

- Nếu họ và tên chủ hộ khác với họ và tên chủ hộ đã ghi trong bảng kê, nhưng người đó (chủ hộ đã ghi trong bảng kê) vẫn còn ăn ở thường xuyên tại hộ: *giữ nguyên chủ hộ đã ghi trong bảng kê*;
- Nếu chủ hộ ghi trong bảng kê không còn ăn ở thường xuyên tại hộ (chuyển hẳn đi nơi khác, bị chết): *trên bảng kê, gạch ngang 1 đường ở Cột 3 (họ và tên chủ hộ). Sau đó ghi họ và tên chủ hộ mới lên phía trên họ và tên chủ hộ cũ đã gạch bỏ, đồng thời ghi câu “Chủ hộ cũ bị chết/chuyển đi nơi khác” vào Cột 11 “Ghi chú”*;
- Nếu hộ cũ đã chuyển hẳn đi nơi khác và có một hộ mới đến cư trú thường xuyên (bán nhà, cho hộ khác đến ở nhờ/thuê, v.v...): *trên bảng kê, gạch ngang một đường ở các Cột 3, 5, 6, 7, 8. Sau đó ghi họ và tên chủ hộ của hộ mới lên phía trên họ và tên chủ hộ cũ đã bị gạch bỏ, các Cột 5, 6, 7, 8 bỏ trống. Ghi tổng số nhân khẩu thực tế thường trú, trong đó số nữ của hộ mới điều tra được vào 2 Cột 9 và 10, đồng thời ghi câu “Thay hộ mới” vào Cột 11 “Ghi chú”*.
- Nếu trong ngôi nhà/căn hộ có thêm 1 hộ mới đến ở chung: *Trên bảng kê, Cột 1 “Số thứ tự nhà” ghi lại số thứ tự nhà của ngôi nhà đó vào dòng tiếp theo dòng cuối cùng của bảng kê, Cột 2 “Số thứ tự hộ” ghi số thứ tự tiếp theo số thứ tự hộ cuối cùng của bảng kê, Cột 3 ghi họ và tên chủ hộ của hộ mới phát sinh trong ngôi nhà/căn hộ đó, Cột 4 ghi địa chỉ của ngôi nhà đó, các Cột 5, 6, 7, 8 bỏ trống. Ghi tổng số nhân khẩu thực tế thường trú và số nữ của hộ mới phát sinh điều tra được vào 2 Cột 9 và 10, đồng thời ghi câu “Hộ mới chuyển đến ở chung nhà với hộ số ...” vào Cột 11 “Ghi chú”*.

**b.3.** Sau khi kết thúc phỏng vấn ghi phiếu cho mỗi hộ và trước khi rời hộ để đi đến hộ tiếp theo, ĐTV phải ghi tổng số nhân khẩu thực tế thường trú, tổng số nữ của hộ đã điều tra được vào các Cột 9, 10 tương ứng, Cột 11 dùng để ghi những điểm cần lưu ý khi điều tra hộ đó.

**Chú ý:** Trường hợp tổng số nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ (trong đó số nữ) khi điều tra khác với tổng số nhân khẩu thực tế thường trú của hộ (trong

*đó số nữ) khi hiệu chỉnh (đã ghi ở Cột 7, 8) thì ĐTV phải ghi rõ lý do của sự khác nhau đó vào Cột 11 “Ghi chú”.*

*c. Sau khi kết thúc điều tra*

Sau khi kết thúc điều tra, ĐTV phải kiểm tra bảng kê xem tất cả các dòng ở các Cột 9 và 10 trên bảng kê đã được ghi chép đầy đủ chưa. Nếu còn hộ nào chưa được ghi chép vào bảng kê thì phải kiểm tra lại phiếu điều tra xem hộ đó đã được điều tra chưa. Nếu đã điều tra thì ghi tiếp vào bảng kê, còn nếu chưa thì phải đến hộ điều tra bổ sung cho đủ.

### CHƯƠNG 3

## MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ PHÒNG VẤN VÀ HOÀN THÀNH PHIẾU ĐIỀU TRA

Phòng vấn là một nghệ thuật và không được coi đó là một việc làm máy móc. Mỗi cuộc phỏng vấn cho ta một nguồn thông tin mới, vì thế nó tạo nên sự hưng phấn cho ĐTV. Nghệ thuật phỏng vấn phát triển qua thực tế, nhưng ĐTV cần tuân theo một số nguyên tắc nhất định. Trong phần này, bạn sẽ được hướng dẫn cách tiếp cận với đối tượng điều tra để thực hiện thành công một cuộc phỏng vấn.

**ĐTV phải đến từng hộ để hỏi chủ hộ về từng nhân khẩu thực tế thường trú của hộ để ghi vào phiếu điều tra.** Trường hợp chủ hộ đi vắng hoặc không có khả năng cung cấp thông tin của các thành viên trong hộ (quá già, ốm yếu, ...), thì có thể gặp một thành viên là người lớn của hộ để phỏng vấn. Nếu người đại diện của hộ không nhớ chính xác về mục nào đó của một thành viên trong hộ, thì phải gặp để hỏi trực tiếp thành viên đó. Trường hợp hộ không có một thành viên nào là người lớn ở nhà thì hẹn quay lại hộ vào thời gian khác. **Đối với những câu hỏi về “lịch sử sinh đẻ của những phụ nữ từ 15 - 49 tuổi” thì ĐTV phải gặp và phỏng vấn trực tiếp các đối tượng thích hợp.**

ĐTV phải xác định được tổng số nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ trước khi hỏi và ghi các thông tin của từng người vào phiếu điều tra. Trừ các thông tin về họ và tên, quan hệ với chủ hộ và giới tính, được hỏi và ghi cho tất cả các nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ; tất cả các thông tin còn lại, việc phỏng vấn phải được tiến hành cho từng người một, đầu tiên là chủ hộ, tiếp đến là vợ/chồng, con đẻ, bố/mẹ của chủ hộ, quan hệ gia đình khác và cuối cùng là những người không có quan hệ gia đình với chủ hộ.

Khi hỏi cần nói chậm và rõ, nên **đặt câu hỏi như đã in trên phiếu**, phải hỏi đúng theo **“Quy trình phỏng vấn”**. Không giải thích dài dòng hoặc gợi ý câu trả lời. Ví dụ, khi ĐTV đã biết rõ giới tính của ĐTĐT, thì không cần nhắc lại câu hỏi *“[TÊN] là nam hay nữ?”*. Trong những trường hợp cần thiết, có thể đưa ra những câu hỏi phụ để nhận được câu trả lời chính xác, nhưng phải đảm bảo không làm sai ý của câu hỏi gốc.

### **3.1 Xây dựng mối quan hệ tốt với người trả lời**

Để có được một cuộc phỏng vấn thành công, công việc đầu tiên của ĐTV là gây được mối quan hệ tốt với người trả lời. Muốn vậy, ĐTV phải:

- Trong thời gian đi điều tra phải ăn mặc gọn gàng, lịch sự, không uống rượu/bia;
- Luôn tỏ thái độ thiện chí, cởi mở, hòa nhã, lịch sự và thân thiện với những người mà mình tiếp xúc;
- Không nên tỏ thái độ rụt rè hoặc đưa ra các câu hỏi dễ dẫn đến sự từ chối của người trả lời;
- Nhấn mạnh sự giữ gìn bí mật các thông tin mà ĐTĐT cung cấp khi cần thiết;
- Trả lời thẳng thắn những câu hỏi mà ĐTĐT đưa ra, tránh tỏ ra khó chịu khi người trả lời từ chối cuộc phỏng vấn;
- Đối với các câu hỏi về lịch sử sinh đẻ của những phụ nữ từ 15 - 49 tuổi, ĐTV cố gắng tránh sự có mặt người thứ ba. Sự có mặt của người thứ ba có thể làm cho ta không nhận được các câu trả lời chân thật.

### **3.2 Yêu cầu đối với ĐTV khi tiến hành phỏng vấn**

*Một cuộc phỏng vấn thành công, không chỉ phụ thuộc vào việc ĐTV cố gắng gây được cảm tình của ĐTĐT, mà còn phụ thuộc vào phương pháp tiến hành phỏng vấn của ĐTV. Khi tiến hành phỏng vấn, ĐTV phải bảo đảm thực hiện tốt các yêu cầu sau:*

- *Bảo đảm tính khách quan trong quá trình phỏng vấn.* Đối với mỗi câu hỏi đưa ra, không tỏ thái độ đồng tình hoặc không đồng tình bất kỳ câu trả lời nào của ĐTĐT. Nếu câu trả lời chưa rõ ràng, hãy đưa ra các câu hỏi thăm dò để ĐTĐT hiểu rõ nội dung của câu hỏi và cung cấp các thông tin đúng.
- *Không được gợi ý câu trả lời, cũng không được đọc các phương án trả lời in sẵn bằng chữ in hoa ở phần trả lời cho ĐTĐT nghe.*
- *Không thay đổi từ ngữ hoặc trình tự các câu hỏi.* Trừ khi từ ngữ địa phương khác với ngôn ngữ phổ thông thì ĐTV có thể sử dụng từ ngữ địa phương để thay thế khi đặt câu hỏi. Nếu người trả lời không hiểu hoặc hiểu sai câu hỏi, thì nhắc lại câu hỏi chậm và rõ. Nếu người trả lời vẫn không hiểu, thì diễn tả

lại câu hỏi, nhưng phải thận trọng, không được làm thay đổi ý của câu hỏi gốc.

- *Không phỏng vấn vội vàng.* Đọc các câu hỏi một cách chậm rãi và rõ ràng. Sau khi đưa ra câu hỏi, nên dừng lại và dành thời gian cho người trả lời suy nghĩ. Trường hợp ĐTĐT đang vội phải giải quyết một việc gì đó, thì có thể dừng cuộc phỏng vấn và hẹn họ quay trở lại vào thời điểm thích hợp, không ép họ phải tiếp tục cuộc phỏng vấn.

### 3.3 Quy định về nêu câu hỏi và ghi phiếu điều tra

Để thu được những thông tin cần thiết, bạn cần biết cách hỏi của từng câu hỏi như thế nào, thông tin gì mà câu hỏi muốn thu thập và làm thế nào để vượt qua những khó khăn nảy sinh trong quá trình phỏng vấn. Bạn cũng cần phải hiểu làm thế nào để ghi đúng các câu trả lời của đối tượng điều tra và làm thế nào để tuân thủ các cấu trúc đặc biệt của câu hỏi. Phần này của sổ tay được thiết kế để các bạn làm quen với phiếu điều tra.

#### 1. Nêu các câu hỏi

ĐTV phải **đặt câu hỏi đúng như đã được in trong phiếu**. Khi hỏi, cần nói chậm rãi và rõ ràng. Nếu cần, phải đọc lại câu hỏi để đối tượng điều tra hiểu rõ. Trường hợp ngôn ngữ địa phương khác với ngôn ngữ phổ thông, ĐTV có thể dùng ngôn ngữ địa phương thay cho các từ, ngữ phổ thông nhưng không được làm thay đổi ý của câu hỏi gốc.

Trên phiếu, **các hướng dẫn** cho ĐTV được in bằng “CHỮ IN HOA”, trong khi **các câu để hỏi** được in bằng “**Chữ in thường**”.

Trong một số trường hợp, cần đặt thêm câu hỏi thăm dò để có thể thu được câu trả lời chính xác. Nếu sử dụng câu hỏi thăm dò, cần hết sức cẩn thận để sự thăm dò bảo đảm mang tính “khách quan” và không biến câu hỏi thăm dò trở thành gợi ý câu trả lời.

Phiếu được thiết kế dùng chung cho mọi đối tượng điều tra, cả nam và nữ, và cho các độ tuổi khác nhau. Do đó khi tiến hành phỏng vấn, cần xưng hô sao cho phù hợp với người được phỏng vấn.

## 2. Ghi câu trả lời

Đối với cuộc Điều tra biến động dân số và kế hoạch hoá gia đình thời điểm 1/4/2013, ĐTV sử dụng bút bi mực xanh hoặc đen để ghi thông tin vào phiếu. Các TT và GSV chỉ được dùng bút bi mực đỏ để sửa chữa sai sót trên phiếu. Cố gắng ghi các chữ số rõ ràng, chân phương, ai cũng có thể đọc và hiểu được.

**Một số quy định về ghi phiếu, cụ thể như sau:**

- Đối với các phương án trả lời của ĐTĐT đã được mã hoá trước, ĐTV chỉ cần gạch chéo vào ô vuông (các ô nhỏ) bên cạnh một mã số để chỉ ra phương án trả lời của ĐTĐT.

- Đối với các ô to: ghi 1 chữ số vào trong 1 ô, chú ý ghi một cách rõ ràng, chân phương các chữ số. Cần viết sao cho nét chữ rõ ràng và dễ đọc.

Ví dụ: 

1	9	6	7
---	---	---	---

- Các dòng kẻ liền nét được sử dụng để ghi thông tin vào đó.

Ví dụ: TỈNH/THÀNH PHỐ: Hà Nội

0	1
---	---

HUYỆN/QUẬN: Ba Đình

- Các mũi tên chuyển, biểu thị câu hỏi tiếp theo cần chuyển đến tương ứng. Ví dụ:

4. [TÊN] sinh vào tháng, năm dương lịch nào?	<table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 80%;">THÁNG.....</td><td style="width: 20%; text-align: center;"><table border="1" style="display: inline-table;"><tr><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td></tr></table></td></tr><tr><td>NĂM.....</td><td style="text-align: center;"><table border="1" style="display: inline-table;"><tr><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td></tr></table></td></tr><tr><td>KXE NĂM.....</td><td style="text-align: center;">9998 <table border="1" style="display: inline-table;"><tr><td style="width: 20px; height: 20px;"></td></tr></table></td></tr></table> <p style="margin-left: 40px;">C6 ←</p>	THÁNG.....	<table border="1" style="display: inline-table;"><tr><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td></tr></table>			NĂM.....	<table border="1" style="display: inline-table;"><tr><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td></tr></table>					KXE NĂM.....	9998 <table border="1" style="display: inline-table;"><tr><td style="width: 20px; height: 20px;"></td></tr></table>	
THÁNG.....	<table border="1" style="display: inline-table;"><tr><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td></tr></table>													
NĂM.....	<table border="1" style="display: inline-table;"><tr><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td></tr></table>													
KXE NĂM.....	9998 <table border="1" style="display: inline-table;"><tr><td style="width: 20px; height: 20px;"></td></tr></table>													

Có bốn loại câu hỏi được sử dụng trong phiếu điều tra: 1) Câu hỏi với câu trả lời đã mã hoá trước, còn gọi là câu hỏi đóng; 2) Câu hỏi với câu trả lời không được mã hoá, còn gọi là câu hỏi mở; 3) Câu hỏi vừa đóng vừa mở; 4) Câu hướng dẫn chuyển.

Sau đây trình bày chi tiết từng loại câu hỏi:

### 1) Câu hỏi với câu trả lời đã mã hoá trước (câu hỏi đóng)

Đối với một số câu hỏi, chúng ta có thể dự đoán trước các câu trả lời. Các câu trả lời cho loại câu hỏi này được liệt kê trong phiếu. Để ghi câu trả lời, bạn chỉ cần gạch chéo vào ô vuông bên cạnh một mã số cho phù hợp.

Dấu hiệu để nhận biết các câu hỏi đóng là câu mà trong phần trả lời có một danh sách lựa chọn tương ứng với các số bên cạnh các ô vuông nhỏ để ghi câu trả lời khác (có hoặc không có dòng kẻ liền).

Ví dụ cách ghi đối với từng dạng câu hỏi đóng như sau:

*a. Câu hỏi đóng chỉ có số*

2. [TÊN] có quan hệ thế nào với chủ hộ?	CHỦ HỘ..... 1	<input type="checkbox"/>
	VỢ/CHỒNG..... 2	<input type="checkbox"/>
	CON ĐÈ..... 3	<input type="checkbox"/>
	BỐ/MẸ..... 4	<input type="checkbox"/>
	QUAN HỆ GIA ĐÌNH KHÁC..... 5	<input type="checkbox"/>
	KHÔNG QUAN HỆ GIA ĐÌNH... 6	<input type="checkbox"/>

*b. Câu hỏi đóng có số và phân để ghi trường hợp khác ở dòng kẻ liền dành sẵn (gọi là mã 'KHÁC')*

40. Đó là biện pháp gì?	VÒNG.....01	<input type="checkbox"/>
	THUỐC UỐNG.....02	<input type="checkbox"/>
	TIÊM/CÁY.....03	<input type="checkbox"/>
	MÀNG NGĂN/KEM.....04	<input type="checkbox"/>
	BAO CAO SU.....05	<input type="checkbox"/>
	ĐÌNH SÂN NAM.....06	<input type="checkbox"/>
	ĐÌNH SÂN NỮ.....07	<input type="checkbox"/>
	TÍNH VÒNG KINH.....08	<input type="checkbox"/>
	XUẤT TINH RA NGOÀI.....09	<input type="checkbox"/>
	KHÁC..... 10	<input type="checkbox"/>
(GHI CỤ THỂ)		C42 ←

Trong một số trường hợp, câu hỏi đóng có mã “KHÁC”. Mã “KHÁC” sẽ được chọn khi câu trả lời của đối tượng khác với tất cả các câu trả lời đã được liệt kê ở phía trên của câu hỏi này. Trước khi sử dụng mã “KHÁC”, bạn cần đảm bảo rằng, câu trả lời không thể đưa vào bất kỳ phương án trả lời nào đã liệt kê ở phía trên. Khi bạn chọn mã “KHÁC” cho một câu hỏi cụ thể, bạn **đồng thời** phải viết câu trả lời của đối tượng vào dòng kẻ liền. Nếu cần chỗ nhiều hơn, bạn có thể viết vào lề phiếu.

*c. Câu hỏi đóng có số và hướng dẫn chuyển. Ví dụ:*

13. Hiện nay, [TÊN] có theo học một trường lớp nào từ 3 tháng trở lên không?	CÓ.....1	<input type="checkbox"/>
	KHÔNG.....2	<input type="checkbox"/> → C15

Đối với câu hỏi loại này, nếu gạch chéo “x” bên cạnh mã số có hướng dẫn chuyển, thì ĐTV chuyển đến câu hỏi đã chỉ ra để phỏng vấn tiếp, chứ không phải hỏi theo trật tự tự nhiên (từ trên xuống dưới).

## 2) Câu hỏi với câu trả lời không mã hoá trước (câu hỏi mở)

Có những câu hỏi không thể mã hoá trước. Khi ghi câu trả lời cho những câu hỏi này, bạn phải viết câu trả lời của ĐTĐT vào phần đã được dành sẵn. Thông thường, bạn phải điền số, ngày tháng vào các ô đã cho, hoặc viết chữ vào dòng kẻ liền.

Dấu hiệu để nhận biết loại câu hỏi này là trong phần trả lời của các câu hỏi đó có các ô to hoặc các ô to kèm dòng kẻ liền.

Cần chú ý rằng, nếu câu trả lời có số chữ số ít hơn so với số ô mã thì bạn phải viết thêm các số “0” ở phía trước. Ví dụ, nếu câu trả lời là “8” thì ghi “08” vào 2 ô mã dành sẵn.

Ví dụ cách ghi đối với từng dạng câu hỏi mở:

a. Câu hỏi mở chỉ có ô to. Ví dụ :

<p>5. Hiện nay, [TÊN] bao nhiêu tuổi tròn theo dương lịch? TỪ ĐỦ 95 TUỔI TRỞ LÊN, GHI '95'</p>	<p>TUỔI..... <input type="text"/> <input type="text"/></p>
--	--

b. Câu hỏi mở có ô to và dòng kẻ liền

<p>9. [TÊN] từ tỉnh/thành phố nào chuyển đến hộ?</p>	<p>..... <input type="text"/> <input type="text"/> (TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ)</p>
--	---

## 3) Câu hỏi vừa đóng vừa mở

Đây là câu hỏi kết hợp cả 2 dạng trên. Khi ghi câu trả lời cho những câu hỏi này, bạn phải gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số phù hợp và ghi câu trả lời vào (các) ô to. Dấu hiệu để nhận biết loại câu hỏi này là trong phần trả lời của các câu hỏi có (các) ô vuông nhỏ (kèm mã số) và (các) ô to. Ví dụ:

<p>32. Trong thời gian mang thai của lần sinh gần nhất, chị có đi khám thai không? NẾU CÓ: Chị khám mấy lần tất cả?</p>	<p>CÓ .....1 <input type="checkbox"/> <input type="text"/></p> <p>KHÔNG .....2 <input type="checkbox"/> <input type="text"/></p>
---	--



#### 4) Hướng dẫn chuyển

Có hai dạng hướng dẫn chuyển: (i). các mũi tên hướng dẫn chuyển trong phần trả lời của các câu hỏi đóng; và (ii). các hướng dẫn chuyển nằm trong câu kiểm tra.

*Ví dụ cho dạng thứ nhất:*

20. Năm xảy ra tình trạng hôn nhân nói trên là trước năm 2012 hay từ 2012 đến nay?	TRƯỚC 2012 ..... 1 <input type="checkbox"/> → C22 TỪ 2012 ĐẾN NAY ..... 2 <input type="checkbox"/>
--	---

*Ví dụ cho dạng thứ hai:* Đối với dạng này, ĐTV phải kiểm tra một điều kiện cụ thể, nếu điều kiện được đáp ứng thì chuyển đến câu chỉ định, ngược lại sẽ chuyển đến một câu khác. Lý do phải có các hướng dẫn chuyển là để không hỏi những câu không thích hợp.

38. KIỂM TRA CÂU 19: NẾU CÂU 19 = 2 → CÂU 39; CÒN LẠI → CÂU 45.
---

Khi kiểm tra một điều kiện nào đó ĐTV phải quay đến câu có ghi thông tin cần kiểm tra để xem xét. Không được dựa vào trí nhớ, hoặc phán đoán, vì điều đó có thể gây nhầm lẫn.

### 3.4 Sửa lỗi

Điều quan trọng là phải ghi câu trả lời rõ ràng và chính xác. Đối với những câu hỏi đóng (đã liệt kê các câu trả lời), ĐTV phải đảm bảo rằng mình đã cẩn thận gạch chéo dấu “x” vào một ô vuông bên cạnh một mã số thích hợp với câu trả lời. Đối với câu hỏi mở, việc ghi câu trả lời phải rõ ràng, dễ đọc, số ghi trong ô mã không được viết ngoáy và **mọi người khi đọc sẽ hiểu như nhau, chữ số ghi trong ô mã phải rõ ràng, không lẫn lộn số nọ với số kia.** Khi gạch chéo dấu “x” vào các ô vuông nhỏ và ghi chữ số vào các ô to, phải viết gọn vào giữa ô, không được viết chữ số quá nhỏ, cũng không được để mực tràn ra khỏi đường viền bao quanh các ô đó. Nếu mắc lỗi khi gạch chéo vào ô vuông hay điền số vào ô to, cách sửa lỗi như sau:

Đối với trường hợp khi gạch chéo nhầm vào ô vuông khác với câu trả lời của ĐTĐT: Dùng bút bi mực xanh hoặc đen để gạch 2 đường song song lên mã số chọn nhầm, sau đó gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số khác thích hợp. Ví dụ:

10. Nơi thực tế thường trú trước khi [TÊN] chuyển đến là phường/thị trấn hay xã?	PHƯỜNG/THỊ TRẤN ..... 1 <input checked="" type="checkbox"/>
	XÃ ..... 2 <input checked="" type="checkbox"/>

Đối với trường hợp ghi nhầm số vào ô to hoặc ghi sai thông tin trả lời: cách sửa cũng tương tự, nghĩa là, dùng bút bi gạch 2 đường song song lên phần ghi sai, sau đó ghi lại thông tin đúng vào chỗ trống thích hợp. Ví dụ:

21. Đó là tháng, năm dương lịch nào?	THÁNG..... <input type="text" value="0"/> <input checked="" type="text" value="7"/> 8
	NĂM.....201 <input type="text" value="2"/>

### 3.5 Kiểm tra các phiếu điều tra đã hoàn thành

Sau khi kết thúc phỏng vấn, ĐTV phải kiểm tra lại các thông tin đã ghi trên phiếu điều tra đối với từng người trong hộ để bảo đảm mọi câu hỏi thích hợp đều đã được hỏi, và các câu trả lời đã được ghi một cách chính xác, hợp lý (kể cả các thông tin chung của cả hộ); kiểm tra câu trả lời của từng câu hỏi, bảo đảm thực hiện đúng bước chuyển và không bỏ sót cũng như không ghi thừa câu hỏi nào. Nếu cần thiết, bạn cần kiểm tra câu bạn đã viết và phân loại câu trả lời. Nếu cần, phải quay trở lại hộ để hỏi tiếp; kiểm tra lại phiếu **trước khi rời hộ để sang hộ khác**, để nếu có gì sai sót thì có thể hỏi lại và sửa chữa ngay tại hộ.

Kiểm tra tính logic của các thông tin trả lời của từng nhân khẩu và giữa các nhân khẩu của hộ về những chỉ tiêu có liên quan, như: tuổi giữa những người con đẻ của cùng một người mẹ; nếu phát hiện những trường hợp nêu dưới đây thì phải trở lại hộ để xác minh và sửa chữa cho đúng:

#### 1. Kiểm tra tính logic về tuổi giữa các thành viên trong hộ

- Mẹ đẻ phải hơn người con đầu ít nhất 13 tuổi, vì ở Việt Nam, người phụ nữ hầu như không có khả năng sinh con trước độ tuổi 13.

- Hai người con sinh liền kề nhau phải cách nhau ít nhất 8 tháng (trừ trường hợp sinh đôi, sinh ba,...), vì một người phụ nữ thường chỉ có khả năng mang thai ít nhất 1 tháng sau khi sinh con, và thời gian mang thai ít nhất là 28 tuần (7 tháng).

## *2. Kiểm tra kết quả điều tra trong ngày*

Cuối mỗi ngày điều tra, ĐTV phải kiểm tra lại tất cả các phiếu đã điều tra được trong ngày, xem trang bìa của phiếu đã ghi đầy đủ và chính xác chưa, kiểm tra lại các thông tin ghi trong phiếu đã bảo đảm đầy đủ, chính xác và hợp lý chưa, sắp xếp các phiếu đã hoàn chỉnh theo số thứ tự hộ từ nhỏ đến lớn. Để riêng và ghi chép lại những phiếu còn có sai sót, lập kế hoạch trở lại hộ để hoàn thiện những phiếu này.

## CHƯƠNG 4

### HƯỚNG DẪN CÁCH HỎI VÀ GHI PHIẾU ĐIỀU TRA

#### 4.1 Giới thiệu phiếu điều tra

Trong cuộc điều tra này, nội dung điều tra được thiết kế trên “**Phiếu điều tra biến động dân số và kế hoạch hoá gia đình thời điểm 1/4/2013**”, gồm 56 câu hỏi, tương đương 12 trang. Ngoài thông tin định danh và kết quả phỏng vấn ở trang bìa, phiếu được chia thành 3 phần: (i) **Phần 1: THÔNG TIN CỦA CÁC THÀNH VIÊN TRONG HỘ**: Thông tin về dân số; (ii) **Phần 2: THÔNG TIN VỀ PHỤ NỮ TỪ 15-49 TUỔI**: thông tin liên quan đến sinh đẻ, kế hoạch hoá gia đình của phụ nữ từ 15 - 49 tuổi và phụ nữ từ 15 - 49 tuổi đang có chồng; (iii) **Phần 3: THÔNG TIN VỀ NGƯỜI CHẾT CỦA HỘ**.

- (1) Trang bìa: gồm thông tin định danh và kết quả phỏng vấn;
- (2) Phần 1: Thông tin của các thành viên trong hộ, gồm 22 câu hỏi được chia thành 3 nhóm:
  - + Các câu hỏi để hỏi cho toàn bộ dân số (từ Câu 1 đến 11);
  - + Các câu hỏi về trình độ học vấn hỏi những người từ 5 tuổi trở lên (từ Câu 13 đến 17);
  - + Các câu hỏi về tình trạng hôn nhân, chỉ hỏi những người từ 15 tuổi trở lên (từ Câu 19 đến 21);
- (3) Phần 2: Thông tin về phụ nữ từ 15-49 tuổi, gồm 23 câu hỏi được chia thành 2 nhóm:
  - + Các câu hỏi cho toàn bộ phụ nữ từ 15-49 tuổi (từ Câu 23 đến 37) để hỏi về lịch sử sinh của phụ nữ.
  - + Các câu hỏi cho phụ nữ từ 15-49 tuổi đang có chồng (từ Câu 39 đến 44) hỏi về tình hình sử dụng các biện pháp kế hoạch hóa gia đình.
- (4) Phần 3: Thông tin về người chết của hộ (từ Câu 46 đến 55).

Phần trình bày dưới đây sẽ giới thiệu phương pháp phỏng vấn và ghi phiếu đối với phiếu điều tra.

Như đã đề cập ở trên, trong phiếu điều tra này có thiết kế một số câu (sau Câu 3 và các Câu 12, 16, 18, 22, 23, 31, 38, 45, 54 và 56) được in bằng chữ in hoa. Đây là những câu kiểm tra, ĐTV không hỏi ĐTĐT những câu này mà phải tự mình kiểm tra theo hướng dẫn, để xác định có phỏng vấn tiếp ĐTĐT nữa hay không, nếu có thì sẽ hỏi tiếp câu nào.

**Cách ghi thông tin trên đầu mỗi trang phiếu nhằm hướng dẫn ĐTV không ghi nhầm thông tin của người này sang người khác (nhầm cột).**

**Phần 1 (Thông tin của các thành viên trong hộ):** Trên đầu trang 2 và 3 của tập phiếu có 2 ô to dùng để ghi số thứ tự của các thành viên hộ theo trật tự liên tục của số tự nhiên ("01", "02", ..., "09"). Trên đầu các trang 4, 5, 6 và 7 của tập phiếu, yêu cầu ghi lặp lại tên của các thành viên hộ đã có ở Câu 1 (nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ) trên dòng kẻ liền dành sẵn. Đồng thời, ghi lặp lại số thứ tự của họ vào 2 ô to. Trên đầu các trang 4, 5, 6 và 7, nếu trong hộ có từ hai người trở lên trùng tên nhau, thì ghi thêm tên đệm (Ví dụ: Thanh Nga và Phương Nga); nếu trùng tên đệm và tên thì ghi cả họ và tên (Ví dụ: Nguyễn Thanh Nga và Lê Thanh Nga).

**Phần 2 (Thông tin về phụ nữ từ 15-49 tuổi):** Trên đầu trang 8 (sau Câu 23), 9 và 10 của tập phiếu, yêu cầu ghi lặp lại tên và số thứ tự ở Phần 1 (Thông tin của các thành viên trong hộ) của (các) phụ nữ từ 15-49 tuổi. Trường hợp hộ có từ hai phụ nữ từ 15-49 tuổi trở lên trùng tên nhau, thì ghi thêm tên đệm; nếu trùng tên đệm và tên thì ghi cả họ và tên.

**Phần 3 (Thông tin về người chết của hộ):** Trên đầu trang 11 (sau Câu 46), yêu cầu ghi số thứ tự của người chết trong hộ theo trật tự liên tục của số tự nhiên ("1", "2", "3" và "4"). Trên đầu trang 12, yêu cầu ghi lặp lại tên và số thứ tự của người chết đã ghi ở đầu trang 11 (sau Câu 46). Trường hợp trong hộ có từ hai người chết trở lên trùng tên nhau, thì ghi thêm tên đệm; nếu trùng tên đệm và tên thì ghi cả họ và tên.

## **4.2 Cách ghi các thông tin trên trang bìa của phiếu**

Trang bìa của phiếu điều tra được chia ra hai phần:

- Thông tin định danh;

- Kết quả phỏng vấn.

#### **4.2.1. Cách ghi các thông tin ở phần định danh**

- (1) Các dòng "TỈNH/THÀNH PHỐ", "HUYỆN/QUẬN/", "XÃ/PHƯỜNG": ĐTV ghi tên tỉnh (hoặc thành phố), tên huyện (hoặc quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh), và tên xã (hoặc phường/thị trấn) vào các dòng kẻ liền dành sẵn tương ứng. Đồng thời, giao cho ĐTV ghi mã số của tỉnh/thành phố theo Bảng mã các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương (Phụ lục 6) vào hai ô to tương ứng.
- (2) Các dòng "ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA SỐ" và "TÊN ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA". ĐTV căn cứ vào số của ĐBĐT đã được chọn mẫu ghi trên sơ đồ và bảng kê để ghi vào 2 ô to tương ứng; căn cứ vào tên của ĐBĐT được ghi trên sơ đồ và bảng kê để ghi vào dòng kẻ liền tương ứng.

**Lưu ý:** Ghi ĐBĐT số theo số thứ tự của địa bàn đã được thống nhất với Vụ Thống kê Dân số và Lao động, Tổng cục Thống kê (không ghi số thứ tự địa bàn trong Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009).

*Do thông tin định danh nói trên là hoàn toàn giống nhau giữa các hộ trong cùng một ĐBĐT, vì vậy để giảm bớt thời gian phỏng vấn tại hộ, ĐTV có thể ghi các thông tin trên trước khi đến hộ.*

- (3) Các dòng "HỘ SỐ", "ĐỊA CHỈ CỦA HỘ", "HỌ VÀ TÊN CHỦ HỘ" được ghi khi ĐTV đến hộ, gặp chủ hộ hoặc người đại diện của hộ để xác định ngôi nhà/căn hộ, địa chỉ của hộ và họ tên của chủ hộ có đúng với số thứ tự nhà/căn hộ, số thứ tự hộ, địa chỉ của hộ và họ tên của chủ hộ đã được ghi trên Bảng kê không? Nếu đúng thì ĐTV căn cứ vào số thứ tự hộ của hộ đó trong Bảng kê để ghi vào 3 ô to tương ứng với dòng "HỘ SỐ" và căn cứ vào địa chỉ của hộ, họ và tên của chủ hộ của hộ đó trong bảng kê để ghi vào dòng kẻ liền dành sẵn cùng dòng với dòng "ĐỊA CHỈ CỦA HỘ", "HỌ VÀ TÊN CHỦ HỘ".

Hộp "Điện thoại" dùng cho ĐTV ghi điện thoại di động của chủ hộ (hoặc người lớn am hiểu về các thành viên trong hộ), đối tượng điều tra, hoặc điện thoại cố định của hộ để ĐTV liên hệ trong trường hợp cần thiết.

- (4) Các dòng từ "SỐ NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ" đến "SỐ NGƯỜI CHẾT TỪ THÁNG 4/2012 ĐẾN THÁNG 3/2013" chỉ ghi sau khi đã hoàn tất cuộc phỏng vấn và việc kiểm tra phiếu đã hoàn thành.

- ĐTV phải đếm tổng số người đã ghi trong hộ để ghi vào hai ô to dành sẵn tương ứng với dòng "SỐ NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ", đếm và ghi số nam (ở Câu hỏi 3) của hộ vào hai ô to tương ứng với dòng "SỐ NAM", đếm và ghi số nữ (ở Câu hỏi 3) của hộ vào hai ô to tương ứng với dòng "SỐ NỮ". ĐTV không được nhìn vào dòng "SỐ THỨ TỰ" của người cuối cùng có trong (các) tập phiếu để ghi cho dòng "SỐ NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ".

- Dòng "SỐ NGƯỜI CHUYỂN ĐẾN TỪ THÁNG 4/2012 ĐẾN THÁNG 3/2013": đếm số người từ các tỉnh, thành phố khác chuyển đến hộ trong 12 tháng trước thời điểm điều tra. ĐTV đếm số người thỏa mãn các điều kiện sau rồi ghi vào hai ô to tương ứng:

+ Câu 7 có mã "1";

+ Câu 8: (i). NĂM có số "2" (tức năm 2012) và THÁNG có giá trị từ "04" đến "12" hoặc; (ii). NĂM có số "3" (tức năm 2013) và THÁNG có giá trị từ "01" đến "03";

+ Câu 9 có tên tỉnh, thành phố khác với tên tỉnh, thành phố ở trang bìa của phiếu, tức là ĐTĐT từ tỉnh, thành phố khác chuyển đến hộ.

- Dòng "SỐ TRẺ EM SINH TỪ THÁNG 4/2012 ĐẾN THÁNG 3/2013": đếm số trẻ em sinh trong 12 tháng trước thời điểm điều tra. ĐTV đếm số lần sinh gần nhất của phụ nữ từ 15-49 tuổi thỏa mãn các điều kiện sau rồi ghi vào hai ô to tương ứng:

+ Câu 24 có mã "1";

+ Câu 28 "TỔNG SỐ CON TRAI" hoặc "TỔNG SỐ CON GÁI  $\geq 1$ ;

+ Câu 29: (i). NĂM có số "2012" (tức năm 2012) và THÁNG có giá trị từ "04" đến "12" hoặc; (ii). NĂM có số "2013" (tức năm 2013) và THÁNG có giá trị từ "01" đến "03".

- Dòng "SỐ NGƯỜI CHẾT TỪ THÁNG 4/2012 ĐẾN THÁNG 3/2013": đếm số người chết trong 12 tháng trước thời điểm điều tra. ĐTV đếm số người chết có Câu 51 thỏa mãn điều kiện sau rồi ghi vào hai ô to tương ứng: (i). NĂM có số "2" (tức năm 2012) và THÁNG có giá trị từ "04" đến "12" hoặc; (ii). NĂM có số "3" (tức năm 2013) và THÁNG có giá trị từ "01" đến "03".

**Chú ý:** Đối với những hộ phải dùng từ hai tập phiếu trở lên, thì các thông tin thuộc phần "ĐỊNH DANH": (i). từ mục "TỈNH/THÀNH PHỐ" đến mục "HỌ VÀ TÊN CHỦ HỘ" của tập phiếu thứ hai trở đi ghi như tập phiếu thứ nhất; (ii). từ mục "SỐ NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ" đến mục "SỐ NGƯỜI CHẾT TỪ THÁNG 4/2012 ĐẾN THÁNG 3/2013" chỉ ghi cho tập phiếu thứ nhất của hộ. Phần "KẾT QUẢ PHÒNG VẤN" cũng chỉ được ghi ở tập phiếu thứ nhất của hộ.

Phiếu được thiết kế đủ để ghi cho những hộ có tối đa là 9 người, mỗi người được ghi vào 1 cột. ĐTV ghi số thứ tự của các thành viên hộ theo trật tự liên tục của các số tự nhiên, bắt đầu từ số "01" cho chủ hộ, tiếp đến là vợ/chồng, con đẻ, bố/mẹ, quan hệ gia đình khác và không quan hệ gia đình với chủ hộ. Đối với những hộ phải dùng từ hai tập phiếu trở lên thì từ tập phiếu thứ hai trở đi, ĐTV ghi số thứ tự tiếp theo số thứ tự của thành viên hộ cuối cùng tại tập phiếu liền kề trước đó.

Trường hợp vì một lý do nào đó mà ĐTV phải hủy một (hay nhiều) cột (người) nào đó, thì vẫn phải ghi số thứ tự của người tiếp theo cho liên tục với số thứ tự của người liền kề trước đó.

Đối với các câu hỏi mà thông tin trả lời được gạch chéo vào ô vuông nhỏ: nếu thông tin trả lời ghi sai thì thận trọng gạch bỏ câu trả lời hoặc (hoặc mã số) không đúng bằng cách gạch ngang hai đường song song đè lên câu trả lời (hoặc mã số) không đúng đó rồi ghi câu trả lời (hoặc mã số) đúng vào vị trí thích hợp. **Không được tẩy xóa câu trả lời.**

#### ***4.4.2. Cách ghi các thông tin ở phần kết quả phỏng vấn***

##### ***a. Kết quả phỏng vấn:***

ĐTV có thể hoàn thành cuộc phỏng vấn hộ trong một lần đến hộ nhưng cũng có thể phải đến hộ nhiều lần mới hoàn tất được phiếu phỏng vấn. ĐTV chỉ **ghi tối đa cho ba lần đến hộ**; ghi ngày phỏng vấn; ghi kết quả theo các mã số quy định với các nội dung phù hợp với hiện trạng kết quả hoàn thành cuộc phỏng vấn và ghi **giờ/ngày hẹn quay lại hộ**. Sau khi kết thúc phỏng vấn, kiểm tra chất lượng ghi phiếu, và hoàn tất việc kiểm tra các thông tin ghi trên phiếu,



ĐTV phải đọc cho người cung cấp thông tin nghe một số thông tin cơ bản nhất đã được ghi trên phiếu (6 câu hỏi đầu). ĐTV yêu cầu người cung cấp thông tin ký tên vào phần chữ ký của chủ hộ in sẵn trên phiếu, sau đó bản thân mình ghi rõ họ tên và ký vào phần dành sẵn. Trước khi ra khỏi nhà, ĐTV *phải ghi kết quả điều tra vào các Cột 9, 10* của "Bảng kê số nhà, số hộ, số người" để biết số thứ tự nhà và số thứ tự hộ này đã được điều tra. Ghi chú vào Cột 11.

### **Chú ý:**

- "NGÀY PHÒNG VẤN": ghi ngày theo dương lịch (không cần ghi tháng). Ví dụ: ngày phỏng vấn là ngày 08/4/2013 thì ghi "08".
- "GIỜ/NGÀY HẸN QUAY LẠI HỘ": Ghi giờ theo cách đếm 24 giờ/ngày, ghi ngày theo dương lịch (không cần ghi tháng); giữa giờ và ngày có dấu chấm phẩy (;) để phân biệt. Ví dụ: hẹn 5 giờ 30 chiều, ngày 10/4/2013, thì ghi "17.30; 10".

b. Dòng "ĐÂY LÀ TẬP PHIẾU SỐ  TRONG  TẬP PHIẾU":

Dòng này chỉ được ghi sau khi đã hoàn tất việc phỏng vấn và kiểm tra phiếu. Phần lớn các hộ chỉ dùng 1 tập phiếu, nhưng cũng có một số ít hộ phải dùng từ 2 tập phiếu trở lên.

- Trường hợp hộ chỉ phải dùng 1 tập phiếu thì ghi như sau:

"ĐÂY LÀ TẬP PHIẾU SỐ  TRONG  TẬP PHIẾU CỦA HỘ"

- Trường hợp hộ phải dùng 2 tập phiếu thì ghi như sau:

Tập thứ nhất ghi: "ĐÂY LÀ TẬP PHIẾU SỐ  TRONG  TẬP PHIẾU CỦA HỘ";

Tập thứ hai ghi: "ĐÂY LÀ TẬP PHIẾU SỐ  TRONG  TẬP PHIẾU CỦA HỘ".

## **4.3 Cách hỏi và ghi thông tin trả lời vào phiếu điều tra**

### **PHẦN 1: THÔNG TIN CỦA CÁC THÀNH VIÊN TRONG HỘ**

PHẦN 1 được thiết kế đủ để ghi cho những hộ có tối đa là 9 người, mỗi người được ghi vào 1 cột và ĐTV phải đánh số thứ tự liên tục từ người thứ nhất cho đến người cuối cùng của hộ. Đối với những hộ phải dùng từ hai tập phiếu trở lên thì từ tập phiếu thứ hai trở đi, ĐTV phải đánh số thứ tự của các nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ liên tiếp với tập phiếu thứ nhất.

***Trình tự hỏi và ghi như sau:***

- Sử dụng "Quy trình phỏng vấn xác định nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ" ở Phụ lục 3 để xác định tổng số nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ và ghi họ, tên từng người ở Câu 1, quan hệ của người đó với chủ hộ ở Câu 2 và giới tính của từng người ở Câu 3. Hỏi và ghi đồng thời 3 câu này cho từng nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ (hỏi theo dòng). Sau đó, hỏi và ghi các câu còn lại theo từng người (theo cột), hỏi xong người này mới chuyển sang hỏi người tiếp theo, cứ như vậy cho đến người cuối cùng của hộ.

- Ghi họ và tên các nhân khẩu thực tế thường trú của hộ bằng chữ thường có dấu, mỗi người vào một cột. Chủ hộ được ghi vào cột thứ nhất của tập phiếu, có số thứ tự "01". Nếu hộ phải dùng từ hai tập phiếu trở lên thì chủ hộ chỉ được ghi vào cột thứ nhất của tập phiếu thứ nhất. Các thành viên khác của hộ sẽ được ghi liên tục vào những cột tiếp theo của tập phiếu, theo trật tự quan hệ với chủ hộ: *vợ/chồng, con đẻ, bố/mẹ, quan hệ gia đình khác và cuối cùng là không quan hệ gia đình.*

- Trường hợp vì một lý do nào đó mà ĐTV phải huỷ một (hoặc nhiều) cột (người) nào đó thì phải sửa lại số thứ tự của các cột (người) tiếp theo cho liên tục để đảm bảo số thứ tự của các nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ trong các tập phiếu sẽ không được cách quãng. *Cách huỷ cột (người) ghi sai như sau:* ĐTV sử dụng bút bi mực xanh hoặc đen để gạch bỏ toàn bộ các thông tin của cột (người) đã ghi sai, kể cả số thứ tự cột được ghi bên trong ô to ở dòng đầu tiên. Sau đó ghi lại thông tin đúng của (các) người này vào (các) cột bên phải, kế tiếp cột (người) cuối cùng của hộ đã ghi.

**Nếu hộ phải sử dụng từ hai tập phiếu trở lên thì thông tin của Phần 2 (thông tin về phụ nữ từ 15-49 tuổi) và Phần 3 (thông tin về người chết của hộ) được ghi bắt đầu ở tập phiếu thứ nhất.**

***Câu 1 đến Câu 11: Hỏi tất cả các nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ***

***Câu 1: Xin ông/bà cho biết họ và tên của từng người thực tế thường trú tại hộ, bắt đầu từ chủ hộ?***

Để xác định chính xác số nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ, ĐTV phải vận dụng một cách đúng đắn những quy định về nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ, thông qua việc sử dụng “**Quy trình phỏng vấn xác định nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ**” (Phụ lục 3) để hỏi.

Họ và tên (kể cả tên đệm) của từng nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ phải được ghi rõ ràng bằng chữ thường có dấu trên các dòng kẻ liền dành sẵn. Trường hợp trẻ em mới sinh chưa kịp đặt tên thì ĐTV ghi họ của bố (hoặc mẹ) của cháu bé đó kèm theo ba dấu chấm (...).

**Chú ý:**

- (i) Mỗi người chỉ có một nơi thực tế thường trú và họ phải được và chỉ được đăng ký tại nơi mà họ thực tế thường trú;
- (ii) Nơi thực tế thường trú của một người là địa chỉ, nơi mà một người vẫn thường xuyên ăn ở hoặc mới chuyển đến ăn ở ổn định.
- (iii) Đối với những người tuy mới chuyển đến làm ăn nhưng đi cả hộ, kể cả những người rời gia đình (nơi ở cũ) của họ tính đến thời điểm điều tra từ 6 tháng trở lên đến làm ăn, và những người không có bất kỳ một nơi thường trú nào thì quy ước điều tra đăng ký họ tại nơi mà họ đang cư trú.
- (iv) Ở những huyện biên giới, một số dân tộc ít người có tập quán du canh, du cư, ĐTV cần lưu ý hỏi và ghi hết số nhân khẩu “tạm vắng” trong thời gian điều tra.

**Câu 2:** [TÊN] có quan hệ thế nào với chủ hộ?

**Quan hệ với chủ hộ gồm có các loại sau:**

**1. Chủ hộ:** là người đại diện của hộ được các thành viên trong hộ thừa nhận. Chủ hộ luôn được ghi ở cột thứ nhất, có số thứ tự “01”. Nếu hộ phải dùng từ 2 tập phiếu trở lên thì chủ hộ được ghi ở cột thứ nhất của tập phiếu thứ nhất; cột thứ nhất của tập phiếu thứ 2, 3, .... vẫn sử dụng để ghi cho (các) nhân khẩu thực tế thường trú khác trong hộ. *Chủ hộ có thể trùng hoặc không trùng với chủ hộ có trong sổ hộ khẩu do ngành công an cấp.*

**2. Vợ/chồng:** Là những người đã được luật pháp hoặc phong tục, tập quán của địa phương thừa nhận là đang có vợ (hoặc có chồng), hoặc đang chung sống với người khác giới như vợ chồng. **Ghi chú:** Nếu một người có từ 2 vợ (chồng) trở lên cùng sống chung trong một hộ, thì những người này đều được xác định là vợ (chồng) của chủ hộ.

**3. Con đẻ:** Là (những) người do chính chủ hộ sinh ra.

**4. Bố/mẹ:** Là người sinh ra chủ hộ, hoặc bố/mẹ vợ, bố/mẹ chồng của chủ hộ. Bố/mẹ nuôi của vợ/chồng chủ hộ cũng được tính là bố/mẹ của chủ hộ.

**5. Quan hệ gia đình khác:** Bao gồm những người có quan hệ gia đình, ruột thịt nhưng không phải là vợ/chồng, con đẻ hay bố/mẹ của chủ hộ. Ví dụ: con riêng của vợ/chồng, ông/bà, anh/chị em ruột, cô/dì/chú/bác, ...

**6. Không quan hệ gia đình:** Là những người không có quan hệ ruột thịt, hôn nhân, nuôi dưỡng hay gia đình/họ hàng với chủ hộ: bạn, người làm thuê, ở trọ, giúp việc gia đình, v.v...

**Câu 3:** *[TÊN] là nam hay nữ?*

Đối với những ĐTĐT được phỏng vấn trực tiếp, hoặc có mặt ở nhà trong khi ĐTV phỏng vấn chủ hộ hoặc người đại diện của hộ, thì có thể dễ dàng xác định người đó là nam hay nữ để đánh dấu vào ô mã thích hợp. Tuy nhiên, đối với các cháu nhỏ và những người đi vắng, ĐTV không được dựa vào “tên đệm” để suy đoán người đó là nam hay nữ, mà phải hỏi chủ hộ.

**Câu 4:** *[TÊN] sinh vào tháng, năm dương lịch nào?*

Tháng và năm sinh được ghi theo dương lịch và là tháng năm sinh thực tế theo dương lịch mà không dựa vào bất kỳ một loại giấy tờ nào (giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, v.v...).

Nếu ĐTĐT nhớ tháng, năm sinh theo dương lịch, thì ĐTV ghi tháng, năm đó vào các ô to dành sẵn tương ứng. Trường hợp ĐTĐT chỉ nhớ tháng, năm sinh

theo âm lịch, thì phải căn cứ vào “**Bảng đối chiếu năm âm lịch và năm dương lịch**” (Phụ lục 4) để chuyển từ tháng năm âm lịch sang tháng năm dương lịch.

Lưu ý rằng năm dương lịch thường đến trước năm âm lịch hơn 1 tháng, nên khi chuyển tháng sinh từ âm lịch sang dương lịch, ĐTV cần lấy tháng sinh theo âm lịch cộng thêm 1. Như vậy, *những người sinh từ tháng giêng đến tháng mười một (tháng 11) của năm âm lịch sẽ là các tháng từ tháng hai đến tháng mười hai cùng năm. Nếu sinh vào tháng chạp (tháng 12 âm lịch) thì sẽ là tháng một dương lịch của năm sau.*

Nếu người trả lời không nhớ tháng sinh, thì dùng những câu hỏi thăm dò: sinh vào mùa nào trong năm? Sinh trước hay sau Tết âm lịch; rằm tháng 7, rằm tháng tám, sinh trước hay sau ngày giải phóng Điện Biên (ngày 7/5 dương lịch), giải phóng miền Nam (ngày 30/4 dương lịch), ngày Quốc khánh 2/9, ngày sinh của Bác (ngày 19/5 dương lịch), v.v... để người trả lời hồi tưởng và nhớ được tháng sinh của mình.

Vì thời điểm điều tra là ngày 1/4, nên những người sinh từ tháng 1 đến tháng 3 trong cùng năm sẽ có cùng cách tính tuổi tròn, và những người sinh từ tháng 4 đến tháng 12 trong cùng năm sẽ có cùng cách tính tuổi tròn. Chính vì vậy, trong trường hợp dùng các câu hỏi thăm dò mà ĐTĐT vẫn không nhớ được tháng sinh của mình, thì cố gắng tìm hiểu xem ĐTĐT sinh vào 3 tháng đầu năm hay 9 tháng cuối năm theo dương lịch để chọn ngẫu nhiên 1 tháng nào đó trong 3 tháng đầu năm, hoặc trong 9 tháng cuối năm để ghi vào 2 ô to tương ứng.

Trường hợp sau khi đã đặt thêm những câu hỏi thăm dò mà ĐTĐT vẫn không thể nhớ được tháng sinh, thì ghi số ‘98’ ở 2 ô to tương ứng, sau đó tiếp tục hỏi năm sinh theo dương lịch của ĐTĐT.

Nếu ĐTĐT nhớ năm sinh theo dương lịch, thì ghi năm đó vào bốn ô to dành sẵn. Ví dụ: Nếu năm sinh là 1954, thì ghi số ‘1954’ vào 4 ô to, mỗi ô 1 chữ số.

Nếu ĐTĐT không nhớ năm sinh theo dương lịch mà chỉ nhớ năm sinh theo âm lịch (như năm Bính Tý, Ất Sửu, v.v..., hoặc thậm chí chỉ nhớ tuổi con gì như: tuổi con Hổ, tuổi con Mèo, v.v...) thì dùng “**Bảng đối chiếu năm âm lịch**

**và dương lịch**” để xác định năm sinh theo dương lịch để ghi vào 4 ô tương ứng, sau đó chuyển sang hỏi và ghi Câu 6 mà không phải hỏi Câu 5.

Chú ý, khi dùng "Bảng đối chiếu năm âm lịch và dương lịch" để xác định năm sinh theo dương lịch cho ĐTĐT, có thể có sự chênh lệch tới 12 năm (nếu ĐTĐT chỉ nhớ tuổi con gì) hoặc 60 năm (nếu ĐTĐT nhớ được cả *can* và *chi*), vì thế cần phải hỏi thêm "*Năm nay [TÊN] khoảng bao nhiêu tuổi?*", kết hợp với quan sát diện mạo của ĐTĐT để có thể xác định chính xác năm sinh theo dương lịch của ĐTĐT, tránh nhầm lẫn.

Trường hợp ĐTĐT không nhớ được năm sinh của mình thì ĐTV gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số "9998", sau đó hỏi tiếp Câu 5. Bỏ trống các ô to dùng để ghi năm sinh theo dương lịch.

**Câu 5:** *Hiện nay, [TÊN] bao nhiêu tuổi tròn theo dương lịch?*

Câu này chỉ hỏi và ghi cho những người không nhớ được năm sinh (Câu 4 gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số "9998" của dòng "KXĐ NĂM").

Câu này nhằm thu thập thông tin về số tuổi tròn theo dương lịch của ĐTĐT. Vì vậy, khi ĐTĐT trả lời về số tuổi của họ, ĐTV phải hỏi thêm "*Đó là tuổi theo âm lịch hay dương lịch*". Nếu ĐTĐT trả lời là tuổi theo âm lịch thì trước khi ghi số tuổi vào 2 ô to dành sẵn, ĐTV phải trừ đi 1 để có số tuổi theo dương lịch (vì tuổi tính theo âm lịch thường nhiều hơn tuổi tính theo dương lịch 1 tuổi).

Nếu số tuổi theo dương lịch của ĐTĐT từ đủ 95 tuổi trở lên thì ĐTV ghi số "95" vào 2 ô to dành sẵn.

Những người dưới 10 tuổi thì ghi thêm số "0" vào ô to bên trái.

Khi ĐTĐT không thể nhớ tuổi của mình thì ĐTV có thể tham khảo các hồ sơ, giấy tờ, tài liệu liên quan hoặc trao đổi thêm với các thành viên khác trong hộ để ghi tuổi, hoặc phải thăm dò để ước lượng tuổi. Có thể thăm dò bằng cách: *So sánh tuổi của ĐTĐT với tuổi của một ai đó trong hộ hoặc tuổi của những người xung quanh mà họ đã biết chính xác tuổi của người này.*

Nếu các biện pháp thăm dò tuổi không có kết quả thì ĐTV phải ước lượng tuổi cho ĐĐT thông qua việc quan sát ĐĐT, tức là quan sát bề ngoài kết hợp với tuổi của các con của ĐĐT, tuổi của vợ/chồng, ... để ước lượng tuổi gần đúng của ĐĐT. Lưu ý rằng đây là biện pháp bất đắc dĩ, chỉ thực hiện khi mọi cố gắng thăm dò tuổi không có kết quả. *Không được ghi mã không xác định cho câu hỏi về "tuổi theo dương lịch" của ĐĐT.*

**Câu 6:** [TÊN] thuộc dân tộc nào?

Nếu ĐĐT là dân tộc Kinh thì ĐTV *gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số "1"*.

Nếu ĐĐT không phải dân tộc Kinh thì ĐTV *gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số "2"*. Sau đó, ghi tên dân tộc của ĐĐT vào dòng kẻ liền dành sẵn, đồng thời căn cứ vào bảng "**Danh mục các dân tộc Việt Nam rút gọn**" (Phụ lục 5) để tìm mã số tương ứng với dân tộc đó và ghi vào 2 ô to bên cạnh. Ví dụ: Một người khai dân tộc của họ là "Mường" thì ghi như sau:

6. [TÊN] thuộc dân tộc nào?	KINH ..... 1 <input type="checkbox"/>
	DÂN TỘC KHÁC ..... 2 <input checked="" type="checkbox"/>
	<b>Mường</b> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="4"/>
	(TÊN DÂN TỘC)

Giải thích, dân tộc "Mường" trong Phụ lục 5 có mã số "04".

Đối với những người là con đẻ hay con nuôi của hai vợ chồng không cùng dân tộc thì dân tộc của người con đó được xác định theo thoả thuận của bố mẹ. Trường hợp hai bố mẹ không thoả thuận được thì lấy theo dân tộc của người cha (Luật Dân sự).

Với những dân tộc theo chế độ mẫu hệ, ghi tên dân tộc của người con theo dân tộc của người mẹ.

Đối với con ngoài giá thú, dân tộc của người con đó được ghi theo dân tộc của người mẹ. Trường hợp người cha ngoài giá thú thừa nhận đứa trẻ là con của

mình và đồng ý khai tên của mình vào giấy khai sinh của người con đó, đồng thời được người mẹ chấp nhận, thì ghi theo dân tộc của người cha.

Đối với người nước ngoài đã nhập quốc tịch Việt Nam thì ghi tên dân tộc cho người đó theo quốc tịch gốc của họ. Ví dụ, nếu một người mà quốc tịch gốc của họ là người Mỹ thì ghi chữ "Mỹ" vào dòng kẻ liền dành sẵn. Mã số dân tộc của người nước ngoài có mã là "55".

*Dân tộc khác:* có mã "98", là các dân tộc còn lại trong 54 dân tộc Việt Nam và không có tên trong "Danh mục các dân tộc Việt Nam rút gọn" (Phụ lục 5). Ví dụ: Dao, Gia Rai, Ê Đê, Ba Na, Sán Chay, v.v...

**Câu 7:** *[TÊN] có phải là người mới chuyển đến hộ từ 1 Tết Nhâm Thìn năm 2012 (23/01/2012 dương lịch) đến 31/3/2013 không?*

Các trường hợp chuyển đến hộ trong khoảng thời gian từ ngày 1 Tết Âm lịch Nhâm Thìn năm 2012 (tức ngày 23/01/2012 dương lịch) đến hết ngày 31/3/2013 trong phạm vi các địa bàn điều tra mẫu đã được chọn. Nếu là người mới chuyển đến thì gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số "1", nếu không thì gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số "2", sau đó chuyển hỏi tiếp Câu 12.

**Câu 8:** *Tháng, năm [TÊN] chuyển đến hộ?*

Đây là câu hỏi mở. ĐTV ghi tháng (theo dương lịch) chuyển đến hộ của ĐTĐT vào 2 ô to dành sẵn. Đồng thời, ghi 1 chữ số cuối của năm (dương lịch) chuyển đến của ĐTĐT vào ô to bên phải số "201", tương ứng với dòng "NĂM" (ĐTV chỉ có thể ghi số "2" ứng với năm 2012 hoặc số "3" ứng với năm 2013).

**Câu 9:** *[TÊN] từ tỉnh/thành phố nào chuyển đến hộ?*

Câu này chỉ hỏi và ghi cho những người ở Câu 7 đã được gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số "1". ĐTV ghi tên tỉnh/thành phố vào dòng kẻ liền và tra "Bảng mã các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương" ở Phụ lục 6 để ghi mã vào hai ô to.



**Câu 10:** Nơi thực tế thường trú trước khi [TÊN] chuyển đến là phường/thị trấn hay xã?

Câu này nhằm thu thập thông tin về luồng di chuyển nông thôn – thành thị.

Ở nước ta, việc phân định thành thị, nông thôn được dựa vào đơn vị hành chính cơ sở với “phường” và “thị trấn” thuộc thành thị, còn “xã” thuộc nông thôn. Vì vậy, nếu nơi thực tế thường trú trước khi người mới chuyển đến hộ trong khoảng thời gian từ ngày 1 Tết Âm lịch Nhâm Thìn năm 2012 (tức ngày 23/01/2012 dương lịch) đến hết ngày 31/3/2013 thuộc “phường” hoặc “thị trấn” thì gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số "1", trường hợp nơi thực tế thường trú trước đây của ĐTĐT thuộc là “xã” thì ĐTV gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số "2".

**Lưu ý:** “Phường”, “thị trấn” hay “xã” phải được xác định tại thời điểm chuyển đi. Những nơi tại thời điểm chuyển đi là xã, nay đã được công nhận là phường hoặc thị trấn thì vẫn gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số "2" (XÃ). Ngược lại, những nơi tại thời điểm chuyển đi là phường hoặc thị trấn, nay chuyển thành xã thì ĐTV vẫn gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số "1" (PHƯỜNG/THỊ TRẤN).

Ví dụ: Một người khai nơi thực tế thường trú trước khi xuất cư tới thường trú tại địa chỉ này là ở xã Biên Giang, huyện Thanh Oai, nay đã đổi thành phường Biên Giang, quận Hà Đông, thì ĐTV vẫn gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số "2" (XÃ).

**Câu 11:** Lý do chính mà [TÊN] chuyển đến hộ là gì?

Đây là câu hỏi đóng có phần ghi lý do ‘KHÁC’ tương ứng với mã ‘7’. ĐTV phỏng vấn và xác định lý do chính mà ĐTĐT chuyển đến hộ để gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số thích hợp. Nếu ĐTĐT đưa ra từ hai lý do chính trở lên thì cố gắng hỏi và chỉ xác định một lý do tác động nhiều nhất đến việc ĐTĐT chuyển đến hộ.

Các lý do mà ĐTĐT chuyển đến hộ bao gồm: tìm việc; bắt đầu công việc mới; về quê/nhà do mất/hết việc hay không tìm được việc; theo gia đình; kết hôn; đi học ở các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, cơ sở đào tạo nghề.

**Lưu ý:** Những người trong thời gian công tác cư trú ở nơi khác (tập thể cơ quan hoặc ở gần cơ quan), khi về hưu chuyển về hộ để sống cùng gia đình thì thuộc nhóm "THEO GIA ĐÌNH". Phân tổ "THEO GIA ĐÌNH" còn bao gồm trường hợp cả hộ chuyển đến địa bàn.

### ***Nhóm các Câu từ 7 đến 11 về tình hình di cư***

- Dùng để tính số lượng người và tỷ suất di cư giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và luồng di cư nông thôn - thành thị, thành thị - nông thôn, nông thôn - nông thôn và thành thị - thành thị.

- Trường hợp di chuyển trong cùng tỉnh/thành phố: cùng tỉnh/thành phố nhưng khác huyện/quận, cùng huyện/quận nhưng khác xã/phường, cùng xã/phường nhưng khác thôn/xóm/ấp/bản/tổ dân phố, cùng thôn/xóm/ấp/bản/tổ dân phố nhưng khác nhà thì Câu 7 có mã "1", Câu 8 từ ngày 1 Tết Âm lịch Nhâm Thìn năm 2012 (ngày 23/01/2012 dương lịch) đến hết ngày 31/3/2013 và Câu 9 có tên tỉnh/thành phố giống với tên tỉnh/thành phố tại trang bìa của phiếu.

- Trường hợp di chuyển giữa các tỉnh/thành phố thì Câu 7 có mã "1", Câu 8 từ ngày 1 Tết Âm lịch Nhâm Thìn năm 2012 (ngày 23/01/2012 dương lịch) đến hết ngày 31/3/2013 và Câu 9 có tên tỉnh/thành phố khác với tên tỉnh/thành phố tại trang bìa của phiếu.

- Trường hợp ĐTĐT di chuyển hai lần từ ngày 1 Tết Âm lịch Nhâm Thìn năm 2012 (ngày 23/01/2012 dương lịch) đến hết ngày 31/3/2013: một lần di chuyển trong cùng tỉnh/thành phố, một lần di chuyển giữa các tỉnh/thành phố thì ưu tiên tính cho lần di chuyển giữa các tỉnh/thành phố.

- Nếu ĐTĐT di chuyển nhiều lần hoặc hồi cư từ ngày 1 Tết Âm lịch Nhâm Thìn năm 2012 (ngày 23/01/2012 dương lịch) đến hết ngày 31/3/2013 thì tính lần di chuyển cuối cùng, có ưu tiên tính di chuyển giữa các tỉnh/thành phố.

**Câu 12:** *Đây là câu kiểm tra.* ĐTV kiểm tra Câu 4 hoặc Câu 5, nếu ĐTĐT từ 5 tuổi trở lên (Câu 4 ghi thông tin từ tháng 3 năm 2008 trở về trước hoặc Câu 5 ghi từ "05" trở lên), thì hỏi tiếp Câu 13. Ngược lại, nếu ĐTĐT chưa đủ 5 tuổi (Câu 4 ghi từ tháng 4 năm 2008 đến tháng 3 năm 2013, hoặc Câu 5 ghi từ "00" đến "04") thì kết thúc phỏng vấn người này. Sau đó chuyển sang hỏi và ghi phiếu cho người tiếp theo của hộ.

**Câu 13:** *Hiện nay, [TÊN] có theo học một trường lớp nào từ 3 tháng trở lên không?*

Đây là câu hỏi đóng có hướng dẫn chuyên.

Những trường hợp sau được xác định là đang theo học một trường lớp từ 3 tháng trở lên (Câu 13 được gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số "1"): (i). Những người đang theo học một trường lớp từ 3 tháng trở lên mà sau khóa học sẽ được cấp một văn bằng hoặc chứng chỉ cho cấp học hoặc trình độ đào tạo tương đương thuộc Hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định; (ii). Những người đang theo học chương trình giáo dục mầm non.

Những trường hợp sau được xác định là không theo học một trường lớp từ 3 tháng trở lên (Câu 13 được gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số "2"): (i). Hiện nay không đi học; (ii). Đang theo học một trường lớp nhưng sẽ không được cấp bất kỳ một văn bằng hoặc chứng chỉ nào khi ra trường; (iii). Đang theo học một trường lớp và sẽ được cấp một văn bằng hoặc chứng chỉ nhưng thời gian theo học dưới 3 tháng; hoặc (iv). Đang theo học một trường lớp từ 3 tháng trở lên mà sau khóa học sẽ được cấp một văn bằng hoặc chứng chỉ nhưng văn bằng hoặc chứng chỉ này không thuộc các cấp học hoặc trình độ đào tạo tương đương của Hệ thống giáo dục quốc dân.

**Câu 14:** *Bậc học mà [TÊN] đang học là gì?*

Câu này chỉ hỏi và ghi cho những người hiện đang theo học một trường lớp nào đó từ 3 tháng trở lên (Câu 13 đã gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số "1"). ĐTV hỏi và gạch chéo vào mã số cho phù hợp. Ví dụ: nếu ĐTĐT trả lời *Bậc học hiện đang học là mầm non*, ĐTV gạch chéo vào mã số mã "01".

***Các bậc học hiện nay ở nước ta gồm có:***

**1. Mầm non:** Giáo dục mầm non thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ ba tháng tuổi đến sáu tuổi.

**2. Tiểu học:** Giáo dục tiểu học được thực hiện trong năm năm học, từ lớp một đến lớp năm. Tuổi của học sinh vào học lớp một là sáu tuổi.

**3. Trung học cơ sở:** Giáo dục trung học cơ sở được thực hiện trong bốn năm học, từ lớp sáu đến lớp chín. Học sinh vào học lớp sáu phải hoàn thành chương trình tiểu học, có tuổi là mười một tuổi.

**4. Sơ cấp nghề:** Sơ cấp nghề là những người học ở các trường lớp dạy nghề từ 3 tháng đến dưới 12 tháng (dưới 1 năm).

**5. Trung học phổ thông:** Giáo dục trung học phổ thông được thực hiện trong ba năm học, từ lớp mười đến lớp mười hai. Học sinh vào học lớp mười phải có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, có tuổi là mười lăm tuổi.

**6. Trung cấp nghề:** Thời gian đào tạo thực hiện từ 1 đến 2 năm học tùy theo nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông; từ 3 đến 4 năm học tùy theo nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở.

**7. Trung cấp chuyên nghiệp:** Thời gian đào tạo thực hiện từ 1 đến 2 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông; từ 3 đến 4 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở.

**8. Cao đẳng nghề:** Thời gian dạy nghề thực hiện từ 2 đến 3 năm học tùy theo nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông; từ 1 đến 2 năm học tùy theo nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp nghề cùng ngành nghề đào tạo.

**9. Cao đẳng chuyên nghiệp:** Thời gian đào tạo thực hiện từ 2 đến 3 năm học tùy theo ngành nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp; từ 1 năm rưỡi đến 2 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng chuyên ngành.

**10. Đại học:** Thời gian đào tạo thực hiện từ 4 đến 6 năm học tùy theo ngành nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp; từ 2 năm rưỡi đến 4 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng chuyên ngành; từ 1 năm rưỡi đến 2 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng chuyên ngành.

**11. Thạc sĩ:** Thời gian đào tạo thực hiện từ 1 đến 2 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp đại học.

**12. Tiến sĩ:** Thời gian đào tạo thực hiện trong 4 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp đại học, từ 2 đến 3 năm học đối với người có bằng thạc sĩ. Trong trường hợp đặc biệt, thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ có thể kéo dài theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thủ tướng Chính phủ quy định cụ thể việc đào tạo trình độ tương đương với trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ ở một số ngành chuyên môn đặc biệt.

**Câu 15:** *Bậc học cao nhất (từ 3 tháng trở lên) mà [TÊN] đã học xong hoặc đã tốt nghiệp là gì?*

Đây là câu hỏi đóng, ĐTV căn cứ vào câu trả lời để gạch chéo vào ô vuông thích hợp cho bậc học cao nhất thuộc **Hệ thống giáo dục quốc dân** mà ĐTDĐ đã học xong hoặc đã tốt nghiệp. Nếu ĐTDĐ học năm cuối của 1 bậc học nhưng chưa đỗ tốt nghiệp thì không được tính là đã tốt nghiệp bậc học đó, tức là phải ghi vào bậc học dưới 1 bậc.

Bậc học cao nhất đã học xong hoặc đã tốt nghiệp bao gồm các phân tổ sau: chưa đi học, dưới tiểu học, tiểu học, trung học cơ sở, sơ cấp nghề, trung học phổ thông, trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng nghề, cao đẳng chuyên nghiệp, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ. Ngoài các trình độ đã được định nghĩa tại Câu 14, Câu 15 bổ sung thêm hai khái niệm về "Chưa đi học" và "Dưới tiểu học":

**Chưa đi học:** Bao gồm những người chưa bao giờ đến trường.

**Dưới tiểu học:** Bao gồm những người: (i) đang học chương trình mầm non hoặc đã học xong chương trình mầm non nhưng chưa đi học tiểu học; (ii) chưa học xong chương trình tiểu học.

**Chú ý:**

- Những người đã được bồi dưỡng thêm một số môn học sau đại học hoặc chỉ qua thực tập sinh sau đại học, thì không được tính là có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ. Nếu cần thiết, ĐTV có thể yêu cầu ĐTDĐ cho xem văn bằng tốt nghiệp.

- Nếu một người có nhiều bằng tốt nghiệp ở các bậc trình độ đào tạo khác nhau, cũng chỉ gạch chéo vào 1 ô vuông tương ứng với bậc trình độ đào tạo cao nhất. Ví dụ: nếu một người vừa có bằng cao đẳng nghề, vừa có bằng đại học thì ĐTV cũng chỉ gạch chéo vào ô vuông bên cạnh vào mã số 10 (ĐẠI HỌC TRỞ LÊN).

- Chuyển đổi tương đương các văn bằng/chứng chỉ/khóa học chính trị sang các mã tương ứng của Câu 15 như sau: (i). "Sơ cấp chính trị" tương đương "Sơ cấp"; (ii). "Trung cấp chính trị" tương đương "Trung cấp chuyên nghiệp"; (iii). "Cao đẳng chính trị" tương đương "Cao đẳng chuyên nghiệp"; (iv). "Cao cấp lý luận chính trị" tương đương "Cử nhân chính trị", tức là có bằng đại học mà không quan tâm đến thời gian đào tạo.

**Câu 16:** Đây là câu kiểm tra. ĐTV kiểm tra Câu 15. Nếu Câu 15 đã gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số "00" hoặc "01", thì hỏi tiếp Câu 17; Còn nếu Câu 15 đã gạch chéo vào một trong các ô vuông bên cạnh các mã khác, thì chuyển đến Câu 18.

**Câu 17:** *Hiện nay, [TÊN] có biết đọc và biết viết không?*

Câu này chỉ hỏi và ghi cho 2 trường hợp sau: (i). Những người chưa bao giờ đến trường; (ii). Những người đang học chương trình mầm non hoặc đã học xong chương trình mầm non nhưng chưa đi học tiểu học; chưa học xong chương trình tiểu học. ĐTV chỉ hỏi và ghi câu này khi Câu 15 đã được gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số "00" hoặc mã "01". ĐTV căn cứ câu trả lời để gạch chéo vào ô vuông bên cạnh một mã số thích hợp.

***Biết đọc biết viết:*** Là khả năng đọc và viết được một đoạn văn đơn giản trong sinh hoạt hàng ngày bằng tiếng quốc ngữ, tiếng dân tộc hoặc tiếng nước ngoài.

**Câu 18:** Đây là câu kiểm tra. ĐTV kiểm tra Câu 4 hoặc 5, nếu ĐTĐT từ 15 tuổi trở lên (Câu 4 ghi thông tin từ tháng 3 năm 1998 trở về trước, hoặc Câu 5 ghi từ "15" tuổi trở lên), thì hỏi tiếp Câu 19. Ngược lại, nếu ĐTĐT chưa đủ 15 tuổi (Câu 4 ghi từ tháng 4 năm 1998 đến tháng 3 năm 2013, hoặc Câu 5 ghi từ "00" đến "14" tuổi) thì kết thúc phỏng vấn người này. Sau đó chuyển sang hỏi và ghi phiếu cho người tiếp theo của hộ.

**Câu 19:** *Tình trạng hôn nhân hiện nay của [TÊN] là gì?*

Tình trạng hôn nhân hiện nay (tức là tại thời điểm điều tra) của một người chỉ có thể thuộc một trong năm loại sau đây:

(1) **Chưa vợ/chồng:** là những người chưa bao giờ lấy vợ (hoặc lấy chồng) hoặc chưa bao giờ chung sống với một người khác giới như vợ chồng.

(2) **Có vợ/có chồng:** là những người đã được luật pháp hoặc phong tục, tập quán của địa phương thừa nhận là đang có vợ (hoặc có chồng), hoặc đang chung sống với người khác giới như vợ chồng.

(3) **Góa:** là những người mà vợ (hoặc chồng) của họ đã bị chết và hiện tại chưa tái kết hôn.

(4) **Ly hôn:** là những người trước đây đã có vợ/có chồng, nhưng vì lý do nào đó, họ đã được pháp luật cho ly hôn và hiện tại chưa tái kết hôn.

(5) **Ly thân:** là những người về danh nghĩa thì họ đang có vợ/có chồng, nhưng vì lý do nào đó hiện tại họ không sống với nhau như vợ chồng.

Cần phân biệt giữa những người sống ly thân và những người sống xa vợ/chồng, như: đi công tác, làm ăn xa nhà (thậm chí đang làm việc ở nước ngoài) trong một thời gian dài. Những người này vẫn thuộc nhóm "*có vợ/có chồng*".

Nếu ĐTĐT trả lời chưa vợ/chồng, ĐTV gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số "1", sau đó chuyển sang hỏi Câu 22. Nếu ĐTĐT trả lời một trong các tình trạng hôn nhân hiện nay khác mã "1", ĐTV hỏi và gạch chéo vào ô vuông bên cạnh một mã số cho phù hợp.

**Câu 20:** *Năm xảy ra tình trạng hôn nhân nói trên là trước năm 2012 hay từ 2012 đến nay?*

Nếu ĐTĐT trả lời năm xảy ra tình trạng hôn nhân "TRƯỚC 2012", ĐTV gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số "1", sau đó chuyển sang hỏi Câu 22. Nếu ĐTĐT trả lời năm xảy ra tình trạng hôn nhân "TỪ 2012 ĐẾN NAY" thì gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số "2".

**Câu 21:** Đó là tháng, năm dương lịch nào?

Câu này chỉ hỏi cho những người đã được gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số "2" của Câu 20. ĐTV ghi tháng vào 2 ô to tương ứng với dòng "THÁNG" và một chữ số cuối cùng của năm vào 1 ô to tương ứng với dòng "NĂM". ĐTV chỉ có thể ghi số "2" ứng với năm 2012 hoặc số "3" ứng với năm 2013 vào 1 ô to bên phải số "201", tương ứng với dòng "NĂM". Ví dụ: nếu một người mới kết hôn vào tháng 9 năm 2012 thì ĐTV ghi "09" vào 2 ô "THÁNG" và "1" vào ô "NĂM".

**Câu 22:** Đây là câu kiểm tra, ĐTV kiểm tra Câu 4 xem có còn ĐTĐT là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ không, nếu còn ĐTĐT thì hỏi tiếp. Nếu hộ không còn ai nữa thì chuyển sang hỏi và ghi phiếu Phần 2: Thông tin về phụ nữ từ 15 - 49 tuổi.

## **PHẦN 2: THÔNG TIN VỀ PHỤ NỮ TỪ 15-49 TUỔI**

**Câu 23:** Đây là câu kiểm tra. ĐTV kiểm tra **Câu 3 (Giới tính), Câu 4 (Tháng và Năm sinh theo dương lịch) và Câu 5 (Tuổi tròn)** để xác định ĐTĐT là phụ nữ từ 15-49 tuổi (sinh từ tháng 4 năm 1963 đến tháng 3 năm 1998). Nếu hộ có (các) phụ nữ từ 15-49 tuổi thì gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số "1" rồi **ghi tên (các) phụ nữ từ 15-49 tuổi vào (các) dòng kẻ liền dành sẵn và số thứ tự của (các) phụ nữ từ 15-49 tuổi này ở Phần 1 (Thông tin của các thành viên trong hộ) vào 2 ô to dành sẵn** trên đầu các trang 8, 9 và 10. *Thông tin của mỗi phụ nữ từ 15-49 tuổi được ghi vào một cột.* Nếu hộ không có phụ nữ nào từ 15-49 tuổi thì gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số "2" rồi chuyển sang hỏi Phần 3 (Thông tin về người chết của hộ).

*Cách hủy cột (phụ nữ từ 15-49 tuổi) ghi sai như sau:* ĐTV sử dụng bút bi mực xanh hoặc đen để gạch bỏ toàn bộ thông tin của (các) cột (phụ nữ từ 15-49 tuổi) đã ghi sai, kể cả tên và số thứ tự được ghi trong 2 ô to ở trên đầu các trang 8, 9 và 10. Sau đó ghi lại thông tin đúng của (các) phụ nữ 15-49 tuổi này vào (các) cột bên phải, kế tiếp cột (phụ nữ từ 15-49 tuổi) cuối cùng của hộ đã ghi.



**ĐTV phải gặp trực tiếp (các) phụ nữ từ 15-49 tuổi của hộ để phỏng vấn những câu hỏi về lịch sử sinh đẻ và kế hoạch hóa gia đình của họ.**

**Câu 24:** *Chị đã sinh con bao giờ chưa?*

Những phụ nữ đã sinh con là những người đã từng sinh con sống (tức là khi sinh ra, đứa trẻ đã có ít nhất một trong các biểu hiện còn sống, như: khóc, thở, tim còn đập, cuống nhau rung động, v.v...), không kể chết lưu (tức là chết trong bụng mẹ).

Nếu ĐTĐT trả lời đã từng sinh con, thì ĐTV gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số "1". Nếu ĐTĐT trả lời chưa bao giờ sinh con, thì ĐTV gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số "2", sau đó chuyển sang hỏi Câu 38.

**Chú ý:** ĐTV phải hỏi kỹ ĐTĐT, nhất là những trường hợp sinh con sống nhưng đã chết ngay từ khi còn bé/trẻ, vì có thể ĐTĐT không muốn kể cho bạn về (những) người con đã bị chết khi còn bé/trẻ.

**Câu 25:** *Số con trai và số con gái do chị sinh ra đang sống cùng hộ với chị?*

Đây là câu hỏi mở. Câu này chỉ hỏi những ĐTĐT mà Câu 24 đã được gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số "1". Ghi số con đẻ là trai và gái (số con trai và số con gái do chính ĐTĐT đã sinh ra sống) hiện đang sống trong cùng hộ với ĐTĐT (được ghi trong danh sách hộ ở Câu 1) vào các ô tương ứng. Nếu số con trai và số con gái do ĐTĐT sinh ra hiện đang sống trong cùng hộ với ĐTĐT dưới 10 người, thì ghi số "0" vào ô to bên trái, số con trai và số con gái vào các ô to tương ứng bên phải. Nếu không có người con trai/con gái nào do ĐTĐT sinh ra hiện đang sống trong cùng hộ, thì ghi "00" vào 2 ô to tương ứng.

Đối với những phụ nữ có (những) người con hiện đang ở nước ngoài trong thời hạn quy định (trước khi ra nước ngoài, người con này sống trong cùng hộ với người mẹ), thì vẫn được tính là con sống trong cùng hộ với người phụ nữ đó (những người con này được tính là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ của người mẹ của họ và được liệt kê trong danh sách hộ ở Câu 1).

**Câu 26:** *Số con trai và số con gái do chị sinh ra đang sống ở nơi khác?*

Ghi số con đẻ là trai và gái (số con trai và số con gái do chính ĐTĐT đã sinh ra sống) hiện không sống trong cùng hộ với ĐTĐT (sống trong cùng một ngôi nhà nhưng ăn riêng hoặc sống ở nơi khác). ĐTV ghi câu trả lời của ĐTĐT vào 2 ô to tương ứng. Nếu số con trai và số con gái do ĐTĐT sinh ra hiện không sống trong cùng hộ với ĐTĐT dưới 10 người, thì ghi số "0" vào ô to bên trái và số con trai hoặc số con gái vào ô to tương ứng bên phải. Nếu không có người con trai/con gái nào do ĐTĐT sinh ra hiện không sống trong cùng hộ với ĐTĐT thì ghi "00" vào 2 ô to tương ứng.

**Câu 27:** *Có người con trai, con gái nào do chị sinh ra nhưng đã chết không?  
NẾU CÓ: Số con trai, con gái đã chết?*

Số con đã chết là "Số con sinh ra sống" do chính ĐTĐT sinh ra sống nhưng đã chết trước thời điểm điều tra. ĐTV ghi câu trả lời của ĐTĐT vào các ô to tương ứng. Nếu số con trai, số con gái do ĐTĐT sinh ra nhưng đã chết trước thời điểm điều tra dưới 10 người, thì ghi số "0" vào ô to bên trái và số con trai, số con gái vào ô to tương ứng bên phải. Nếu không có người con trai/con gái nào do ĐTĐT sinh ra sống nhưng đã chết trước thời điểm điều tra thì ghi "00" vào 2 ô to tương ứng.

**Câu 28:** *Tổng số con trai đã sinh của chị? Tổng số con gái đã sinh của chị?*

Đây là câu hỏi mở. ĐTV cộng nhằm riêng số con trai, riêng số con gái đã ghi ở các Câu 25, 26 và 27 rồi hỏi ĐTĐT xem tổng số con trai, tổng số con gái đã sinh của ĐTĐT đã đúng chưa. Nếu đúng thì ghi vào các ô to tương ứng, nếu sai thì hỏi lại và sửa ở các Câu 25, 26 và 27 cho phù hợp.

**Chú ý:** ĐTV không được bỏ trống bất kỳ một ô mã nào của các ô dành sẵn ở phần trả lời của các Câu 25, 26, 27 và 28 (Ghi thêm số "0" vào các ô mã phía trái, nếu cần hoặc nếu không phát sinh sự kiện thì ghi "00" vào 2 ô to tương ứng).

**Câu 29:** *Tháng, năm dương lịch của lần sinh gần nhất?*

Lần sinh gần nhất là lần "*sinh con sống*" của ĐTĐT gần với thời điểm điều tra nhất, *bất kể người con của lần sinh đó hiện còn sống hay đã chết, hiện sống cùng hộ hay khác hộ với ĐTĐT*. Cách hỏi và ghi Câu 29 giống như cách hỏi và ghi Câu 4 "Tháng, năm sinh theo dương lịch" (xem hướng dẫn cách hỏi và ghi Câu 4).

**Câu 30:** *Số con trai, con gái của lần sinh gần nhất?*

Hỏi và ghi số con trai và số con gái của lần sinh gần nhất vào ô to tương ứng. Không được để trống 1 ô nào. Trường hợp không có sự kiện phát sinh thì ghi số "0".

**Câu 31:** Đây là câu kiểm tra. ĐTV kiểm tra Câu 29, nếu Câu 29 có thông tin từ tháng 4 năm 2011 đến tháng 3 năm 2013 thì hỏi tiếp Câu 32, nếu từ tháng 3 năm 2011 trở về trước, thì chuyển sang hỏi Câu 38.

**Câu 32:** *Trong thời gian mang thai của lần sinh gần nhất, chị có đi khám thai không? NẾU CÓ: Chị khám mấy lần tất cả?*

Câu hỏi này nhằm xác định số lần khám thai trong thời kỳ mang thai người con thuộc lần sinh gần đây nhất của ĐTĐT. Nếu câu trả lời là **Có**, ĐTV gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số "1" đồng thời hỏi và ghi số lần khám thai vào ô to ở bên phải, quy ước nếu số lần khám thai từ 9 lần trở lên, ghi số "9" vào ô to tương ứng; nếu câu trả lời là **Không**, ĐTV gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số "2".

**Câu 33:** *Chị có biết giới tính của thai nhi trước khi sinh không?*

Câu hỏi này nhằm xác định giới tính trước khi sinh. ĐTV căn cứ vào câu trả lời để gạch chéo vào ô vuông bên cạnh một mã số thích hợp. Nếu câu trả lời là **Có**, ĐTV gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số "1"; nếu câu trả lời là **Không**, ĐTV gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số "2", sau đó chuyển sang hỏi Câu 36.

**Câu 34:** *Chị biết giới tính của thai khi thai được mấy tuần tuổi?*

ĐTV cần lưu ý nhóm Câu 32 đến 37 hỏi về lần sinh gần nhất của ĐTĐT từ tháng 4 năm 2011 đến tháng 3 năm 2013 khi đọc câu hỏi để tránh nhầm lẫn.

Nếu ĐTĐT biết chính xác tuổi thai khi biết giới tính của thai nhi, ĐTV ghi số tuần vào 2 ô to dành sẵn nhưng không vượt quá số 42 vì thời gian mang thai tối đa là 40 - 42 tuần. Nếu ĐTĐT trả lời **Không biết**, ĐTV gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số "98".

**Câu 35:** *Chị biết giới tính của thai bằng cách nào?*

ĐTV hỏi và xác định bằng cách nào mà ĐTĐT biết được giới tính của thai nhi để gạch chéo vào ô vuông bên cạnh một mã số thích hợp. Nếu câu trả lời **không phải là Siêu âm/Bắt mạch/Đoán** thì phải gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số "4" và ghi cụ thể. **Quy ước:** nếu ĐTĐT biết được giới tính của thai nhi qua nhiều phương pháp khác nhau thì gạch chéo vào ô vuông bên cạnh phương pháp có mã số nhỏ nhất.

**Câu 36:** *Khi mang thai lần sinh gần nhất, chị muốn là con trai, con gái hay con nào cũng được?*

Câu hỏi này nhằm xác định mong muốn của người phụ nữ về giới tính của người con khi đang mang thai lần sinh gần nhất. ĐTV căn cứ vào câu trả lời để gạch chéo vào ô vuông bên cạnh một mã số thích hợp.

**Câu 37:** *Ở lần sinh gần nhất, chị sinh con ở đâu?*

Đây là câu hỏi đóng có dòng kẻ liền để ghi thông tin cho "NƠI KHÁC" ở mã "3", để hỏi về nơi người phụ nữ sinh con lần gần nhất. ĐTV căn cứ vào câu trả lời của ĐTĐT để gạch chéo vào ô vuông bên cạnh một mã số thích hợp.

Cơ sở y tế bao gồm bệnh viện, trạm y tế xã, nhà hộ sinh, phòng khám y tế... Các hình thức của cơ sở y tế gồm nhà nước, vốn đầu tư nước ngoài hoặc tư nhân, ... Bệnh viện gồm bệnh viện trung ương, bệnh viện tỉnh, bệnh viện/trung

tâm y tế huyện nhà nước, bệnh viện tư nhân, bệnh viện quốc tế, ... Phòng khám gồm phòng khám chuyên khoa/đa khoa nhà nước, nước ngoài hoặc tư nhân.

Ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa, người phụ nữ **có thể** sinh con ở nhà mình hoặc nhà họ hàng, người thân.

**Câu 38:** Đây là câu kiểm tra. ĐTV kiểm tra để lọc ra những phụ nữ từ 15-49 tuổi đang có chồng để hỏi về sử dụng biện pháp tránh thai.

**Các Câu từ 39 đến 44:** Những câu này chỉ hỏi và ghi cho những phụ nữ từ 15 - 49 tuổi (sinh từ tháng 4 năm 1963 đến tháng 3 năm 1998) hiện đang có chồng.

**Câu 39:** *Hiện nay, chị hay chồng chị có sử dụng biện pháp tránh thai nào không?*

Đây là câu hỏi đóng với hướng dẫn chuyển ở mã “2” đến Câu 41.

ĐTV hỏi để xác định hiện tại ĐTĐT hay chồng của chị ta có sử dụng bất kỳ một biện pháp tránh thai nào không. ĐTV cần khéo léo và tế nhị khi hỏi câu này, nếu không sẽ rất dễ nhận được câu trả lời “Không”, vì có thể do xấu hổ mà ĐTĐT không muốn cung cấp thông tin đúng, hoặc ĐTĐT sử dụng các biện pháp tránh thai truyền thống (tính vòng kinh, xuất tinh ngoài) nên không coi đó là các biện pháp tránh thai.

**Câu 40:** *Đó là biện pháp gì?*

ĐTV gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số tương ứng với biện pháp tránh thai đang sử dụng cho phù hợp, sau đó chuyển sang hỏi Câu 42. ĐTV xác định biện pháp tránh thai mà ĐTĐT hoặc chồng chị ta hiện đang sử dụng và gạch chéo vào ô vuông bên cạnh một mã số thích hợp.

Các biện pháp tránh thai hiện có bao gồm: Vòng tránh thai (dụng cụ tử cung), thuốc uống tránh thai, tiêm/cấy thuốc tránh thai, màng ngăn/kem/viên thuốc sủi bọt, bao cao su (ca-pốt, condom), đình sản nam, đình sản nữ, tính vòng kinh (kiêng định kỳ/ô-gi-nô), xuất tinh ra ngoài và phương pháp khác (lá cây, v.v ...).

### *1) Vòng tránh thai (dụng cụ tử cung)*

Vòng tránh thai được làm bằng chất dẻo (plastic hoặc polyethylene) hoặc hợp kim. Ngày nay chúng có nhiều dạng và nhiều kích cỡ khác nhau. Các vòng tránh thai thông dụng nhất là loại vòng xoắn và vòng chữ T bằng đồng.

Có nhiều cách giải thích khác nhau về tác dụng ngừa thai của vòng tránh thai. Có ý kiến cho rằng việc xuất hiện một vật lạ trong tử cung sẽ đẩy nhanh việc rụng trứng, và thậm chí dù trứng đã được thụ tinh, nó vào tử cung quá sớm trước khi niêm mạc dạ con có thể chấp nhận trứng đã thụ tinh đó. Kết quả là, trứng đã thụ tinh không cấy được vào niêm mạc dạ con, nên không thụ thai được. Loại ý kiến thứ hai cho rằng, các mô của niêm mạc dạ con phản ứng với vật lạ (vòng tránh thai) tới mức chúng ngăn việc cấy trứng đã thụ tinh vào niêm mạc dạ con. Loại ý kiến thứ ba giải thích sự xuất hiện vòng tránh thai kích thích việc sản xuất ra các dịch ngăn cản sự di chuyển của tinh trùng tới vòi trứng hoặc ngăn cản trứng thụ tinh ngay cả khi tinh trùng đã tới vòi trứng.

### *2) Thuốc uống tránh thai*

Nếu thuốc tránh thai được uống đều đặn, thì trở thành một trong những biện pháp tránh thai có hiệu quả nhất. Thuốc uống có 3 tác dụng: a) ngăn sự thụ tinh của trứng và kiềm chế hoàn toàn khả năng thụ thai, vì không có trứng nào có thể thụ tinh với tinh trùng được; b) hạn chế sự phát triển của niêm mạc dạ con, làm cho niêm mạc dạ con không thể cấy được trứng đã thụ tinh; và c) chất nhầy ở cổ tử cung trở nên dày đặc và chống lại sự thâm nhập của tinh trùng.

### *3) Tiêm/Cấy thuốc tránh thai*

Phụ nữ được bác sỹ hoặc y tá cấy 6 que nhỏ có chứa thuốc tránh thai dưới cánh tay, có thể tránh thai được trong một số năm (thường là 5 năm).

### *4) Màng ngăn/kem/viên thuốc sui bọt*

Màng ngăn có thể ngăn tinh trùng không cho chúng tiến vào tử cung. Nó được làm bằng cao su mềm có hình dạng giống như chiếc tách (ly) nông. Màng ngăn thường được sử dụng kết hợp với kem tránh thai nhằm tăng hiệu quả của màng ngăn. Màng ngăn phải được đặt vào âm đạo trước khi giao hợp 3 giờ và phải giữ ở đó ít nhất 6 giờ nữa sau khi giao hợp.

Điền hình cho loại phương tiện tránh thai bằng hóa chất là viên thuốc sủi bọt. Viên thuốc này được đặt vào âm đạo 15 phút trước khi giao hợp. Khi gặp nước dịch của âm đạo, viên thuốc này sẽ phân hủy và tạo ra nhiều bọt bao bọc lõi vào tử cung có tác dụng chặn đường tiến của tinh trùng, đồng thời nó còn chứa chất diệt tinh trùng.

#### 5) Bao cao su (ca-pốt, condom)

Bao cao su dùng tránh thai, hay còn gọi là ca-pốt, được làm bằng cao su đã "lưu hóa". Nó được dùng để bọc lấy dương vật khi giao hợp, ngăn không cho tinh trùng lọt vào âm đạo.

#### 6) Đình sản nam

Đây là một giải phẫu đơn giản để thắt hoặc cắt hoặc làm tắc ống dẫn tinh.

#### 7) Đình sản nữ

Đình sản nữ là việc thắt hoặc cắt hoặc làm tắc vòi trứng để ngăn chặn đường di chuyển của trứng đến tử cung. Việc thắt (cắt/làm tắc) vòi trứng có tác dụng ngăn không cho tinh trùng tiếp cận với trứng, vì thế loại bỏ được khả năng thụ thai.

Trước đây, việc đình sản nữ thường tiến hành ngay sau khi đẻ, thường là sau khi đẻ 48 giờ. Ngày nay, với kỹ thuật mổ nhỏ, việc đình sản có thể tiến hành bất kỳ lúc nào.

#### 8) Tính vòng kinh (kiêng định kỳ/Ô-gi-nô)

Phương pháp này còn gọi là phương pháp tự nhiên hay phương pháp thời kỳ an toàn. Đó là việc ngừng giao hợp trong những ngày có khả năng thụ thai của mỗi vòng kinh của người phụ nữ. Phương pháp này dựa trên những căn cứ sinh vật học sau đây:

+ Trong một vòng kinh, thường chỉ có một trứng rụng. Trứng này chỉ sống tối đa trong vòng 48 giờ. Trong thời gian này, nếu gặp tinh trùng, trứng có thể thụ tinh.

+ Sau khi xuất tinh, tinh trùng có thể sống tối đa là 3 ngày (72 giờ) trong âm đạo.

Từ hai yếu tố trên, sự thụ thai có thể xảy ra trong vòng 120 giờ đối với mỗi vòng kinh. Nếu kiêng giao hợp trong những ngày này, thì tránh được khả năng thụ tinh của trứng. Thực tế, với một người phụ nữ có chu kỳ kinh nguyệt đều là 28 ngày, nếu kiêng giao hợp từ ngày thứ 9 đến ngày thứ 17 của vòng kinh, sẽ tránh thai được.

#### 9) *Xuất tinh ra ngoài*

Theo phương pháp này, người nam giới phải rút dương vật ra khỏi âm đạo trước khi xuất tinh, đảm bảo không có tinh trùng còn sót lại trong âm đạo.

#### 10) *Phương pháp khác*

Là các phương pháp tránh thai không thể xếp được vào 1 trong 9 biện pháp đã đề cập ở trên, chẳng hạn dùng cây thuốc dân tộc hay uống thuốc nam, v.v... để tránh thai.

**Chú ý:** ĐTV chỉ ghi một biện pháp tránh thai cho câu này. Nếu ĐTĐT trả lời dùng nhiều hơn một biện pháp tránh thai, thì ĐTV không được gạch chéo vào 2, 3,... ô mã tương ứng với 2, 3,... biện pháp tránh thai, mà chỉ được gạch chéo vào ô vuông bên cạnh một mã số tương ứng với biện pháp tránh thai sử dụng trong lần giao hợp gần nhất. Trường hợp không nhớ biện pháp tránh thai sử dụng gần nhất, thì quy định gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số của biện pháp tránh thai có số thứ tự nhỏ hơn. Quy định này cũng được áp dụng cho trường hợp ĐTĐT trả lời sử dụng đồng thời 2 biện pháp tránh thai một lúc.

**Câu 41:** *Lý do chính mà chị hay chồng chị không sử dụng biện pháp tránh thai là gì?*

Đây là câu hỏi đóng có phần ghi lý do ‘KHÁC’ tương ứng với mã ‘8’. ĐTV xác định lý do chính để gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số thích hợp.

**Câu 42:** *Trong 12 tháng qua chị có hút điều hòa kinh nguyệt hay nạo/phá thai không?*

Đây là câu hỏi đóng. Khi người phụ nữ thấy chậm kinh so với vòng kinh bình thường và cho rằng mình đã có thai, nhưng lại không muốn giữ cái thai đó,



thì có thể dùng biện pháp hút điều hòa kinh nguyệt để loại bỏ cái thai đó. Biện pháp hút điều hòa kinh nguyệt chỉ được áp dụng trong khoảng thời gian tối đa là 2 tuần chậm kinh so với vòng kinh bình thường. Nếu câu trả lời là **Có**, thì ĐTV gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số "1"; nếu câu trả lời là **Không**, thì ĐTV gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số "2", sau đó chuyển sang hỏi Câu 45.

**Câu 43:** *Lý do chính mà chị đã hút điều hoà kinh nguyệt hay nạo/phá thai trong 12 tháng qua là gì?*

Đây là câu hỏi đóng có phần ghi lý do 'KHÁC' tương ứng với mã "4". ĐTV xác định lý do chính để gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số thích hợp.

**Câu 44:** *Chị có bị tai biến do hút điều hoà kinh nguyệt hoặc nạo/phá thai không? NẾU CÓ: Đó là tai biến gì?*

Đây là câu hỏi đóng có phần ghi lý do "KHÁC" tương ứng với mã "6". Nếu câu trả lời là **Không**, ĐTV gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số "1".

Sau khi hút điều hoà kinh nguyệt hoặc nạo/phá thai, người phụ nữ có thể bị các tai biến sau: thủng tử cung, chảy máu, nhiễm trùng, chảy mủ âm đạo. Nếu câu trả lời là một trong các tai biến có các mã từ mã 2 - 5, ĐTV gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số phù hợp.

Nếu ĐTĐT đề cập đến nhiều hơn một tai biến, chọn tai biến có mã số nhỏ hơn.

**Câu 45:** Đây là câu kiểm tra. ĐTV kiểm tra xem còn phụ nữ từ 15-49 tuổi không. Nếu hộ còn phụ nữ từ 15-49 tuổi thì quay lại Câu 24 để phỏng vấn và ghi phiếu cho người phụ nữ từ 15-49 tuổi tiếp theo. Nếu hộ không còn ĐTĐT nữa thì chuyển sang hỏi và ghi phiếu Phần 3: Thông tin về người chết của hộ.

### **PHẦN 3: THÔNG TIN VỀ NGƯỜI CHẾT CỦA HỘ**

Trong cuộc Điều tra biến động dân số và kế hoạch hoá gia đình thời điểm 1/4/2013, thông tin về người chết được thu thập trong khoảng thời gian từ ngày 1 Tết Âm lịch Nhâm Thìn năm 2012 (tức ngày 23/01/2012 dương lịch) đến hết

ngày 31/3/2013. Phần này được hỏi chung cho cả hộ. Phiếu được thiết kế để ghi thông tin tối đa cho 4 người chết, mỗi người 1 cột. Trường hợp hộ có từ 5 người chết trở lên, ĐTV sử dụng tập phiếu thứ hai để ghi tiếp. Số thứ tự của (các) người chết tại tập phiếu thứ hai được ghi tiếp theo tập phiếu thứ nhất, theo thứ tự liên tục của số tự nhiên.

Trường hợp vì một lý do nào đó mà ĐTV phải huỷ (các) cột (người chết) nào đó thì phải sửa lại số thứ tự của (các) cột (người chết) tiếp theo cho liên tục để đảm bảo số thứ tự của (các) cột (người chết) của hộ trong (các) tập phiếu sẽ không được cách quãng. **Cách huỷ cột (người chết) ghi sai như sau:** ĐTV sử dụng bút bi mực xanh hoặc đen để gạch bỏ toàn bộ các thông tin của cột (người chết) đã ghi sai, kể cả tên và số thứ tự được ghi bên trong ô to ở trên đầu các trang 11 và 12. Sau đó ghi lại thông tin đúng của (các) cột (người chết) này vào (các) cột bên phải, kế tiếp cột (người chết) cuối cùng của hộ đã ghi.

Các thông tin về tử vong của dân số thường rất khó thu thập, nhất là đối với các thông tin về chết trẻ em và chết sơ sinh, và đặc biệt là chết trong vòng 1 tuần sau khi sinh. Vì vậy, muốn thu thập được đầy đủ, chính xác các thông tin này, ĐTV phải *khéo đặt ra những câu hỏi thăm dò để nhận được câu trả lời chính xác.*

#### ***Lưu ý về trường hợp chết cả hộ:***

- Nếu phát hiện trong địa bàn có những trường hợp **chết cả hộ** trong khoảng thời gian từ ngày 1 Tết Âm lịch Nhâm Thìn năm 2012 (tức ngày 23/01/2012 dương lịch) đến hết ngày 31/3/2013, thì ĐTV phải hỏi gián tiếp (thông qua cán bộ chủ chốt ở địa phương, người thân thích của người chết, hoặc thông qua giấy tờ quản lý hộ tịch, hộ khẩu ở địa phương, ...) để:

+ Ghi các thông tin vào Phần 3 (Thông tin về người chết của hộ) và số người chết của hộ từ tháng 4 năm 2012 đến tháng 3 năm 2013 vào 2 ô to tương ứng với dòng “Số người chết từ tháng 4/2012 đến tháng 3/2013” ở trang bìa của phiếu (phần định danh);

+ Bỏ trống các câu hỏi ở Phần 1 (Thông tin của các thành viên trong hộ) và Phần 2 (Thông tin về phụ nữ từ 15-49 tuổi).

+ Ghi "00" vào các ô mã dành sẵn tương ứng với các dòng “Số nhân khẩu thực tế thường trú trong hộ”, “Số nam”, “Số nữ”, “Số người

*chuyển đến từ tháng 4/2012 đến tháng 3/2013”, “Số trẻ em sinh từ tháng 4/2012 đến tháng 3/2013” ở trang bìa của phiếu (phần định danh);*

+ Ghi câu "**Trường hợp chết cả hộ**" vào góc trên bên trái của tập phiếu.

- "Chết cả hộ" đôi khi đơn giản chỉ là trường hợp một người ở riêng (hộ một người) bị chết.

**Câu 46:** *Từ ngày 1 Tết Âm lịch Nhâm Thìn năm 2012 (vào ngày 23/01/2012 theo dương lịch) đến hết ngày 31/3/2013, trong hộ ta có ai hay cháu nhỏ nào bị chết không?*

Câu hỏi này nhằm xác định trong khoảng thời gian từ ngày 1 Tết Âm lịch Nhâm Thìn năm 2012 (vào ngày 23/01/2012 dương lịch) đến hết ngày 31/3/2013, trong hộ có ai đã từng là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ bị chết không.

Trước khi hỏi và ghi các thông tin của từng người chết của hộ, ĐTV phải hỏi chủ hộ và các nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ, để xác định hộ có ai đã từng là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ bị chết trong khoảng thời gian nói trên hay không. Nếu câu trả lời là **Có**, thì ĐTV gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số "1"; nếu câu trả lời là **Không**, thì ĐTV gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số "2", sau đó chuyển về hoàn thiện trang bìa.

**Câu 47:** *Xin ông/bà cho biết họ và tên của (từng) người chết?*

ĐTV ghi họ và tên của (từng) người chết của hộ vào (các) dòng kẻ liền dành sẵn bằng chữ thường có dấu, mỗi người ghi vào một cột.

**Câu 48:** *[TÊN] là nam hay nữ?*

Cách hỏi và ghi giống như Câu 3, Phần 1: Thông tin của các thành viên trong hộ.

**Câu 49:** *[TÊN] sinh vào tháng, năm dương lịch nào?*

Câu này hỏi về tháng, năm sinh theo dương lịch của người đã từng là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ đã bị chết trong khoảng thời gian từ ngày 1 Tết Âm lịch Nhâm Thìn năm 2012 (tức ngày 23/01/2012 dương lịch) đến hết ngày 31/3/2013, ĐTV ghi 2 chữ số vào 2 ô to cùng dòng với "THÁNG". Nếu tháng sinh của ĐTĐT nhỏ hơn 10 thì ghi số "0" vào ô bên trái. Trường hợp không nhớ được tháng sinh của người chết, thì ghi số "98" vào 2 ô to cùng dòng với "THÁNG" (sau khi đã đặt thêm các câu hỏi thăm dò).

ĐTV ghi 4 chữ số của năm sinh theo dương lịch của ĐTĐT vào 4 ô to cùng dòng với "NĂM", sau đó chuyển sang hỏi Câu 51. Trường hợp không nhớ được năm sinh của người chết, ĐTV gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số "9998". Bỏ trống các ô to dùng để ghi năm sinh theo dương lịch.

**Câu 50:** *Khi chết [TÊN] được bao nhiêu tuổi tròn theo dương lịch?*

ĐTV ghi tuổi tròn của ĐTĐT theo dương lịch tính đến thời điểm người đó bị chết vào 2 ô to dành sẵn.

Cách hỏi và ghi phiếu cho câu này giống với Câu 5, Phần 1: Thông tin của các thành viên trong hộ.

- Nếu tuổi theo dương lịch của người chết từ đủ 95 tuổi trở lên thì ghi "95";
- Nếu tuổi theo dương lịch của người chết nhỏ hơn 10 thì ghi thêm số "0" vào ô to bên trái;
- Nếu tuổi theo dương lịch của người chết chưa đủ 1 tuổi (dưới 12 tháng tuổi), thì ghi số "00" vào 2 ô to dành sẵn.

Không được bỏ trống hoặc ghi *không xác định* cho câu hỏi này mà phải hỏi và ghi được thông tin về tuổi theo dương lịch của người chết.

**Câu 51:** *[TÊN] chết vào tháng, năm dương lịch nào?*

ĐTV ghi 2 chữ số của tháng chết (dương lịch) vào 2 ô to cùng dòng với "THÁNG". Nếu tháng nhỏ hơn 10 thì ghi số "0" vào ô to bên trái. ĐTV ghi 1

chữ số cuối của năm chết (dương lịch) vào ô to bên phải số "201" cùng dòng với "NĂM" (số "2" ứng với năm 2012 hoặc số "3" ứng với năm 2013).

**Lưu ý:** ĐTV phải thu thập được thông tin về tháng, năm chết của ĐTĐT theo dương lịch mà không được bỏ trống câu hỏi này.

**Câu 52:** [TÊN] chết vì nguyên nhân gì?

Câu hỏi này nhằm thu thập thông tin về nguyên nhân dẫn đến cái chết của người chết. ĐTV phải phỏng vấn kỹ để xác định nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tử vong của người chết. Nguyên nhân chết được chia thành 6 nhóm sau:

1. *Chết do bệnh tật:* Gồm những trường hợp chết do các loại bệnh gây ra, như: các bệnh về tim mạch, thần kinh, tiêu hoá, hô hấp, nhiễm trùng, chảy máu, sản giật, vỡ tử cung, v.v.... Những người già bị chết không rõ nguyên nhân (lâu nay vẫn gọi là chết già) cũng được xếp vào nhóm này.
2. *Chết do tai nạn lao động:* Gồm những trường hợp chết trong khi đang làm việc. Ví dụ: một công nhân xây dựng trong khi đang làm việc thì bị ngã từ trên cao xuống và bị chết, một thợ điện bị điện giật chết trong khi đang sửa chữa đường dây điện cao thế, một công nhân đang khai thác than bị chết do sập hầm lò, v.v...
3. *Chết do tai nạn giao thông:* Gồm những trường hợp chết do các phương tiện giao thông gây ra hoặc khi đang tham gia giao thông. Ví dụ: một người đang đi trên đường bị ô tô cán chết, một người đang đi xe máy, do không làm chủ được tốc độ nên đã đâm vào cột điện bên đường và bị chết, v.v...
4. *Chết do các loại tai nạn khác:* Gồm những trường hợp chết do các tai nạn khác ngoài tai nạn lao động và tai nạn giao thông, như: chết đuối, do cháy nhà, bị điện giật (nhưng không phải trong khi đang làm việc), do động đất, sét đánh, rắn cắn, sập núi, v.v....
5. *Chết do tự tử:* Gồm những trường hợp chết do tự tử, tự sát, tự giết mình. Tự tử là hành động của một người cố ý gây ra cái chết cho chính mình hay hành động tự đem lại cái chết cho bản thân.
6. *Chết do các nguyên nhân khác:* Gồm những trường hợp chết không được tính vào những nguyên nhân trên, như: chết do người khác giết, v.v...

**Câu 53.** *[TÊN] chết ở đâu?*

Đây là câu hỏi đóng có dòng kẻ liền để ghi thông tin cho "NƠI KHÁC" ở mã "5", để hỏi về nơi/địa điểm mà ĐTĐT chết. ĐTV căn cứ vào câu trả lời của chủ hộ hoặc người đại diện của hộ để gạch chéo vào ô vuông bên cạnh một mã số thích hợp. Các phân tổ bao gồm: cơ sở y tế (xem giải thích cho Câu 37, ốm hoặc cấp cứu nhưng bị chết tại cơ sở y tế), tại nhà ĐTĐT (ốm và chết tại nhà), tại nhà người khác (gia đình, họ hàng, người thân, bạn bè, ...), tại nơi làm việc (Ví dụ: một công nhân đang xây dựng tòa nhà cao tầng thì chẳng may bị ngã từ trên cao xuống và chết, một thợ điện đang sửa chữa điện thì bị điện giật chết tại nơi họ đến sửa chữa điện, ...), nơi khác (Ví dụ: trên đường khi đang tham gia giao thông, chết đuối trên biển, sông, hồ, ao, suối, lũ lụt cuốn trôi, ...).

**Câu 54.** Hướng dẫn chuyên. ĐTV kiểm tra các Câu 48, 49, 50, 51 và 52 để xác định người chết là nữ (mã "2" ở Câu 48), khi chết có tuổi từ 15 - 49 (Câu 49, 50, 51) và chết không phải do các loại tai nạn hoặc tự tử (tức là Câu 52 có mã "1" hoặc "6"). Nếu ĐTĐT thỏa mãn điều kiện này thì hỏi Câu 55 để xác định nguyên nhân chết do thai sản của phụ nữ từ 15-49 tuổi, ngược lại chuyển đến Câu 56.

**Câu 55:** *[TÊN] chết trong trường hợp nào?*

Đây là câu hỏi đóng có dòng kẻ liền để ghi thông tin cho trường hợp chết "KHÁC" ở mã "5". Câu này dùng để xác định ĐTĐT là phụ nữ từ 15-49 tuổi có phải **chết do thai sản** hay không, tức là bị chết do các nguyên nhân mang thai, trong và sau khi sinh con, cụ thể:

*Chết khi đang mang thai:* chết do nguyên nhân có liên quan hoặc bệnh bị nặng thêm bởi việc có thai hoặc các vấn đề của thai nghén (loại trừ các nguyên nhân do tai nạn hoặc tự tử) trong thời gian mang thai.

*Chết sau khi sảy, nạo, hút thai, thai lưu, thai hỏng:* chết trong vòng 42 ngày do nguyên nhân có liên quan hoặc biến chứng sau ca sảy, nạo, hút/phá thai, thai chết lưu, thai hỏng (tiêu thai).

*Chết khi sinh con:* chết do nguyên nhân có liên quan hoặc bệnh bị nặng thêm trong quá trình sinh con.

*Chết trong vòng 42 ngày sau khi đẻ:* chết trong vòng 42 ngày sau khi đẻ (loại trừ các nguyên nhân do tai nạn hoặc tự tử).

*Chết trong các trường hợp khác* với các trường hợp trên.

ĐTV phải hỏi kỹ ĐTĐT và gạch chéo vào ô vuông nhỏ tương ứng với mã số phù hợp với câu trả lời của ĐTĐT.

**Câu 56:** Đây là câu kiểm tra. ĐTV kiểm tra, nếu còn người chết, thì hỏi tiếp Câu 47; nếu không còn người chết, thì quay lại hoàn thiện trang bìa để kết thúc phỏng vấn.

## CHƯƠNG 5

### CÔNG TÁC GIÁM SÁT ĐIỀU TRA

Giám sát điều tra là một trong những biện pháp quan trọng giúp nâng cao chất lượng thu thập thông tin trong các cuộc điều tra thống kê. Phương pháp thu thập thông tin sử dụng trong cuộc Điều tra biến động dân số và kế hoạch hoá gia đình thời điểm 1/4/2013 là **phỏng vấn trực tiếp**, nghĩa là ĐTV đến tận hộ gặp chủ hộ hoặc người đại diện của hộ và đối tượng điều tra để phỏng vấn và ghi phiếu. Công tác giám sát điều tra nhằm phát hiện kịp thời những hạn chế, sai sót và tìm biện pháp khắc phục, từ đó giúp ĐTV thực hiện tốt nhiệm vụ của mình. Cụ thể, việc giám sát tập trung vào hai vấn đề:

- ĐTV có trực tiếp đến hộ hay không;
- ĐTV có phỏng vấn trực tiếp theo quy trình và có ghi phiếu chính xác, đầy đủ như quy định hay không.

Trong thời gian điều tra ở địa bàn, mỗi TT phụ trách 03 ĐTV. Công tác giám sát điều tra chủ yếu do TT điều tra thực hiện. Ngoài TT, còn có GSV cấp trên thông qua các chuyến đi công tác xuống địa bàn trong thời gian điều tra thu thập số liệu.

#### **5.1 Nhiệm vụ của tổ trưởng điều tra**

TT điều tra có những nhiệm vụ sau:

##### *1) Trước điều tra*

- Tham dự đầy đủ lớp tập huấn điều tra;
- Kiểm tra để đảm bảo rằng ĐTV của các địa bàn do mình phụ trách đã tham dự đầy đủ và đạt kết quả theo quy định của tập huấn điều tra;
- Liên hệ với chính quyền địa phương, nơi có địa bàn điều tra do mình phụ trách, để tạo điều kiện thuận lợi cho ĐTV làm việc;
- Kiểm tra để đảm bảo rằng ĐTV do mình phụ trách đã nhận đầy đủ các tài liệu và phương tiện điều tra.



## 2) Trong thời gian điều tra

- Trong suốt thời gian điều tra, TT có trách nhiệm đến các địa bàn điều tra do mình phụ trách hàng ngày để kiểm tra, giám sát ĐTV. Quy định đối với mỗi ĐTV, mỗi ngày TT kiểm tra điểm ít nhất 1 hộ mà ĐTV đã nộp phiếu để hỏi xem ĐTV có đến hộ điều tra không, phỏng vấn lại một số thông tin và ghi kết quả vào phiếu giám sát (xem Phụ lục 7).
- Kiểm tra 100% phiếu của ĐTV để xem ĐTV có ghi phiếu đúng quy định không, có bỏ sót hoặc ghi thừa thông tin không.
- Thực tế, có những điều tra viên cố tình ghi sai tháng, năm sinh của đối tượng điều tra để không phải thu thập thông tin về phụ nữ từ 15-49 tuổi và phụ nữ từ 15-49 tuổi đang có chồng. Vì vậy, việc giám sát cần chú trọng kiểm tra tháng, năm sinh của những người có tuổi tròn ở biên 13-14 tuổi (Câu 4, Câu 5).
- Nếu phát hiện ra sai sót của ĐTV, TT cần gặp riêng ĐTV trao đổi, góp ý kịp thời để họ hiểu và sửa chữa được sai sót tương tự. Khi góp ý, trao đổi cần phân tích tỉ mỉ, cụ thể, đồng thời yêu cầu ĐTV xác minh trực tiếp tại hộ, tuyệt đối tránh tự tiện sửa chữa phiếu điều tra.
- Cần thu xếp thời gian kiểm tra để ĐTV thấy rằng công việc của họ luôn có sự kiểm tra và được giúp đỡ khi cần thiết. Khi phát hiện có hộ nào mà ĐTV đã điều tra gián tiếp (không đến hộ mà đã ghi phiếu xong), TT phải yêu cầu ĐTV đến hộ phỏng vấn lại có sự chứng kiến của TT.

## 3) Sau điều tra

- Kiểm tra toàn bộ phiếu của các địa bàn do mình phụ trách, sắp xếp theo trật tự và bàn giao theo quy định;
- Khi kiểm tra, có thể sử dụng thông tin đã ghi ở phiếu giám sát để so sánh, đối chiếu. Nếu phát hiện có mâu thuẫn giữa thông tin giám sát và điều tra, phải yêu cầu ĐTV xác minh tại địa bàn để khẳng định, đặc biệt đối với các trường hợp phụ nữ từ 15-49 tuổi và phụ nữ từ 15-49 tuổi đang có chồng.
- Sau khi kết thúc điều tra ở một địa bàn, sắp xếp phiếu và tài liệu của địa bàn theo thứ tự từ trên xuống dưới như sau:
  - + Sơ đồ địa bàn điều tra (nếu có) và bảng kê số nhà, số hộ, số người;
  - + Phiếu điều tra sắp xếp theo thứ tự hộ từ nhỏ đến lớn.

- Các tài liệu đã xếp theo thứ tự như trên được để trong một cặp 3 dây (có dán Êtikét).
- Bàn giao tài liệu đã kiểm tra và sắp xếp đúng quy định cho Cục Thống kê tỉnh, thành phố.

## **5.2 Tổ chức công tác giám sát**

Cục Thống kê tỉnh, thành phố căn cứ vào số lượng địa bàn điều tra mẫu của mỗi huyện, quận để bố trí cán bộ giám sát phù hợp, cần chú ý những địa bàn khó khăn, ĐTV yếu.

Cục Thống kê tỉnh, thành phố thông báo danh sách các địa bàn điều tra mẫu cùng với số thứ tự của các địa bàn điều tra tới tất cả các huyện, quận, GSV, TT điều tra và ĐTV để họ sử dụng một cách thống nhất.

**Chú ý:** Lực lượng kiểm tra cấp tỉnh và cấp trung ương phải thẩm tra hiệu quả làm việc của GSV cấp huyện và TT điều tra, ghi rõ trong báo cáo công tác.

## **5.3 Một số vấn đề cần chú ý trong giám sát**

### ***1) Tập huấn nghiệp vụ***

- Đảm bảo thời gian tập huấn, truyền đạt đầy đủ nghiệp vụ cho học viên;
- Có thực hành phỏng vấn và ghi phiếu thông qua đóng vai ĐTV và ĐTĐT;
- Có chuẩn bị bài giảng, bài tập thực hành;
- Có tổ chức đi phỏng vấn thực tế ở địa bàn;
- Có kiểm tra đánh giá cuối khoá và phân loại học viên.

### ***2) Xác định sai nhân khẩu thực tế thường trú và đặc biệt các trường hợp phụ nữ từ 15-49 tuổi và phụ nữ từ 15-49 tuổi đang có chồng***

- Chú ý những người đã đi khỏi địa bàn từ 6 tháng trở lên, những người đã cư trú liên tục tại địa bàn từ 6 tháng trở lên;
- Không thực hiện đầy đủ và đúng quy trình phỏng vấn về xác định nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ;

- Cố tình ghi sai tháng, năm sinh và tuổi nhằm loại bớt đối tượng điều tra.

**3) Phỏng vấn sơ sài:** biểu hiện ghi thông tin chung chung, thiếu cụ thể, nhất là các câu hỏi về biện pháp tránh thai và lý do không sử dụng biện pháp tránh thai, v.v...

**4) Kiểm tra phiếu:** Chú ý kiểm tra logic giữa các chỉ tiêu liên quan, kiểm tra bước nhảy, kiểm tra sót mã. Nếu phát hiện có mâu thuẫn, yêu cầu ĐTV xác minh với chủ hộ (hay người đại diện của hộ, nếu chủ hộ đi vắng) hoặc ĐTĐT để sửa chữa, tránh sửa phiếu.

#### **5.4 Lập báo cáo nhanh kết quả điều tra**

Để kịp thời có các thông tin chủ yếu của cuộc Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình thời điểm 1/4/2013, các báo cáo nhanh sẽ được thực hiện theo các cấp sau:

Tổ trưởng điều tra lập “Báo cáo nhanh kết quả điều tra tại địa bàn” theo Mẫu số 1-BĐDS (Phụ lục 8). Tổ trưởng hoàn thành báo cáo và gửi Chi Cục Thống kê huyện, quận. Chi Cục Thống kê huyện, quận tổng hợp và gửi Cục Thống kê tỉnh, thành phố **chậm nhất vào ngày 30/4/2013**.

Cục Thống kê tỉnh, thành phố lập “Báo cáo nhanh kết quả điều tra” theo Mẫu số 2-BĐDS (Phụ lục 9) và gửi về Tổng cục Thống kê (Vụ Thống kê Dân số và Lao động) **chậm nhất vào ngày 10/5/2013**.



# PHỤ LỤC



**Phụ lục 1:**

**TỔNG CỤC THỐNG KÊ - ĐIỀU TRA BIẾN ĐỘNG DÂN SỐ VÀ KẾ HOẠCH HOÁ GIA ĐÌNH  
THỜI ĐIỂM 1/4/2013**

**Bảng kê số nhà, số hộ, số người**

Tỉnh/thành phố: \_\_\_\_\_

Tên địa bàn điều tra: \_\_\_\_\_

Huyện/quận: \_\_\_\_\_

Xã/phường: \_\_\_\_\_

Địa bàn điều tra số: .....

Thành thị/nông thôn (*Thành thị = 1; Nông thôn = 2*):.....

Tờ thứ            trong tổng số            tờ

STT nhà/ nơi ở	STT hộ	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ của hộ	Số nhân khẩu thực tế thường trú của hộ:						Ghi chú	
				Kết quả điều tra biến động dân số và KHHGD thời điểm 1/4/2012		Kết quả hiệu chỉnh bảng kê năm 2013		Điều tra 1/4/2013			
				Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	


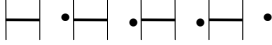





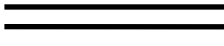





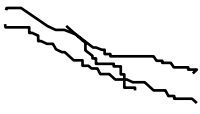


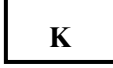


....., ngày ..... tháng ..... năm 2013

**CÁN BỘ HIỆU CHỈNH**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

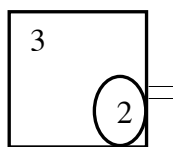
....., ngày ..... tháng ..... năm 2013

**ĐIỀU TRA VIÊN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

## Phụ lục 2: CÁC KÝ HIỆU SỬ DỤNG TRÊN SƠ ĐỒ ĐBĐT

KÝ HIỆU	NỘI DUNG
	Hướng của sơ đồ (Hướng Bắc)
	Ranh giới quốc gia
	Ranh giới tỉnh, thành phố
	Ranh giới huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh
	Ranh giới xã/phường/thị trấn
	Ranh giới thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố, khu phố
	Ranh giới địa bàn điều tra
	Đường nhựa/đường đá lớn
	Đường đất lớn
	Đường mòn
	Cầu, cống
	Đường xe lửa
	Ao, hồ, đầm
	Sông, suối, kênh, ngòi. ..
	Núi đồi
	Cây cổ thụ
	K: Nhà không người ở
	Nhà đang xây dựng
	Nhà có tất cả thành viên là bộ đội, công an hoặc cả hai: * Bộ đội: ghi BĐ, * Công an: ghi CA * Có cả hai: BĐ + CA





3 : Số TT nhà trên sơ đồ  
 ② : Chỉ số tầng nhà  
 (Đây là nhà có 2 tầng)  
 = : Lối vào nhà

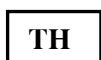
**Ký hiệu này chỉ dùng cho nhà có người ở; Nhà 01 tầng thì không ghi số tầng nhà.**



X•: Điểm xuất phát để đi vẽ sơ đồ địa bàn điều tra  
 → : Hướng/lối đi đến từng nhà

- A: Nơi không có nhà nhưng có người cư trú thường xuyên;  
 - 1: Số thứ tự nơi không có nhà ở nhưng có người thường xuyên cư trú.

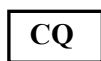
**A1**



Trường học



Bệnh viện



Cơ quan



Trụ sở Ủy ban Nhân dân



Đền/chùa/miếu



Nhà thờ



Nghĩa địa

**Lưu ý:**

Khi vẽ nhà trên sơ đồ:

- Nếu nhà chung tường hoặc liền tường thì vẽ liền (□□);
- Nếu nhà không liền tường thì vẽ rời (□ □);
- Nếu trong khu vực cơ quan, nhà thờ, trường học, v.v... có người cư trú thường xuyên thì phải ghi số thứ tự nhà.

**Phụ lục 4: BẢNG ĐỐI CHIẾU NĂM ÂM LỊCH VÀ NĂM DƯƠNG LỊCH**

	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
Tý (Chuột)	1984 1924		1996 1936		2008 1948		1960 1900		1972 1912	
Sửu (Trâu)		1985 1925		1997 1937		2009 1949		1961 1901		1973 1913
Dần (Hổ)	1974 1914		1986 1926		1998 1938		2010 1950		1962 1902	
Mão (Mèo)		1975 1915		1987 1927		1999 1939		2011 1951		1963 1903
Thìn (Rồng)	1964 1904		1976 1916		1988 1928		2000 1940		2012 1952	
Tỵ (Rắn)		1965 1905		1977 1917		1989 1929		2001 1941		2013 1953
Ngọ (Ngựa)	2014 1954		1966 1906		1978 1918		1990 1930		2002 1942	
Mùi (Dê)		2015 1955		1967 1907		1979 1919		1991 1931		2003 1943
Thân (Khỉ)	2004 1944		2016 1956		1968 1908		1980 1920		1992 1932	
Dậu (Gà)		2005 1945		2017 1957		1969 1909		1981 1921		1993 1933
Tuất (Chó)	1994 1934		2006 1946		2018 1958		1970 1910		1982 1922	
Hợi (Lợn)		1995 1935		2007 1947		2019 1959		1971 1911		1983 1923

**Phụ lục 5: DANH MỤC CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM RÚT GỌN**

<b>Mã số</b>	<b>Tên dân tộc</b>	<b>Một số tên gọi khác</b>	<b>Địa bàn cư trú chính</b>
<b>01</b>	<b>Kinh</b>	Kinh	Trên cả nước.
<b>02</b>	<b>Tày</b>	Thổ, Ngạn, Phén, Thu Lao, Pa Dí...	Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Hà Giang, Bắc Kạn, Yên Bái, Thái Nguyên, Lào Cai, Đắk Lắk, Bắc Giang, Quảng Ninh, Hòa Bình, Lâm Đồng,...
<b>03</b>	<b>Thái</b>	Tày Khao* hoặc Đón (Thái Trắng*), Tày Đăm* (Thái Đen*), Tày Mười, Tày Thanh (Mán Thanh), Hàng Tổng (Tày Mường), Pu Thay, Tày Dọ**, Táy**...	Sơn La, Nghệ An, Thanh Hoá, Điện Biên, Lai Châu, Yên Bái, Hòa Bình, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng,...
<b>04</b>	<b>Mường</b>	Mol (Mual, Mon**, Moan**), Mọi* (1), Mọi Bi, Ao Tá (Ậu Tá)...	Hòa Bình, Thanh Hóa, Phú Thọ, Sơn La, Hà Nội (Hà Tây), Ninh Bình, Yên Bái, Đắk Lắk, Đồng Nai, Gia Lai,...
<b>05</b>	<b>Khmer</b>	Cul, Cur, Cu, Thổ, Việt gốc Miên, Khơ Me, Krôm...	Sóc Trăng, Trà Vinh, Kiên Giang, An Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Cần Thơ, Vĩnh Long, Hậu Giang, Bình Phước, Tây Ninh, Tp Hồ Chí Minh,...
<b>07</b>	<b>Nùng</b>	Nùng Xuông, Nùng Giang, Nùng An, Nùng Inh**, Nùng Phán Slinh, Nùng Cháo, Nùng Lôi, Nùng Quy Rịn, Nùng Dín**, Khèn Lài, Nồng**...	Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Giang, Hà Giang, Thái Nguyên, Đắk Lắk, Bắc Kạn, Lào Cai, Lâm Đồng, Đắk Nông, Bình Phước, Đồng Nai, Yên Bái,...
<b>08</b>	<b>Mông</b>	Mèo Hoa, Mèo Xanh, Mèo Đỏ, Mèo Đen, Ná Mèo (Na Miêu), Mán Trắng, Miếu Ha**...	Hà Giang, Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, Yên Bái, Cao Bằng, Nghệ An, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Thanh Hóa, Đắk Lắk,...
<b>55</b>	<b>Người nước ngoài</b>		Tp Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Hà Nội, Bình Dương, Bà Rịa-Vũng Tàu, Tây Ninh,...
<b>98</b>	<b>Các dân tộc khác</b>		

**Phụ lục 6: BẢNG MÃ CÁC TỈNH/THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG**

TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ	MÃ SỐ
Hà Nội	01
Hà Giang	02
Cao Bằng	04
Bắc Kạn	06
Tuyên Quang	08
Lào Cai	10
Điện Biên	11
Lai Châu	12
Sơn La	14
Yên Bái	15
Hòa Bình	17
Thái Nguyên	19
Lạng Sơn	20
Quảng Ninh	22
Bắc Giang	24
Phú Thọ	25
Vĩnh Phúc	26
Bắc Ninh	27
Hải Dương	30
Hải Phòng	31
Hưng Yên	33
Thái Bình	34
Hà Nam	35
Nam Định	36
Ninh Bình	37
Thanh Hoá	38
Nghệ An	40
Hà Tĩnh	42
Quảng Bình	44
Quảng Trị	45
Thừa Thiên Huế	46
Đà Nẵng	48

TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ	MÃ SỐ
Quảng Nam	49
Quảng Ngãi	51
Bình Định	52
Phú Yên	54
Khánh Hòa	56
Ninh Thuận	58
Bình Thuận	60
Kon Tum	62
Gia Lai	64
Đắk Lắk	66
Đắk Nông	67
Lâm Đồng	68
Bình Phước	70
Tây Ninh	72
Bình Dương	74
Đồng Nai	75
Bà Rịa Vũng Tàu	77
TP. Hồ Chí Minh	79
Long An	80
Tiền Giang	82
Bến Tre	83
Trà Vinh	84
Vĩnh Long	86
Đồng Tháp	87
An Giang	89
Kiên Giang	91
TP. Cần Thơ	92
Hậu Giang	93
Sóc Trăng	94
Bạc Liêu	95
Cà Mau	96
Nước ngoài	98

**Phụ lục 7: TỔNG CỤC THỐNG KÊ**  
**ĐIỀU TRA BIẾN ĐỘNG DÂN SỐ VÀ KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH THỜI ĐIỂM 1/4/2013**

**Phiếu giám sát điều tra**

Tỉnh/thành phố: \_\_\_\_\_

Địa bàn điều tra số: \_\_\_\_\_

Huyện/quận: \_\_\_\_\_

Họ và tên tổ trưởng điều tra: \_\_\_\_\_

Xã/phường: \_\_\_\_\_

Tờ thứ ..... trong tổng số ..... tờ

Ngày, tháng	Hộ số	Điều tra viên có đến hộ không		Số nhân khẩu	Số nữ từ 15-49 tuổi	Số nữ từ 15-49 tuổi có chồng	Số sinh	Số chết	Số chuyển đến	Tóm tắt những sai sót chính của điều tra viên	Đã góp ý cho điều tra viên chưa	
		Có	Không								Đã	Chưa
(A)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

Ngày, tháng	Hộ số	Điều tra viên có đến hộ không		Số nhân khẩu	Số nữ từ 15-49 tuổi	Số nữ từ 15-49 tuổi có chồng	Số sinh	Số chết	Số chuyển đến	Tóm tắt những sai sót chính của điều tra viên	Đã góp ý cho điều tra viên chưa	
		Có	Không								Đã	Chưa
(A)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

Tôi đảm bảo rằng những thông tin ghi vào bảng trên đây được tôi thu thập trực tiếp từ các hộ thuộc địa bàn điều tra do tôi phụ trách; chúng không phải được chép từ bất kỳ nguồn thông tin có sẵn nào. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

**Tổ trưởng điều tra**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Chi Cục Thống kê huyện, quận.....**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Cách ghi:**

**Phần định danh:** Ghi tên tỉnh/thành phố, huyện/quận, xã/phường, số của địa bàn điều tra như đã ghi trên Êtikét địa bàn điều tra;

**Cột A:** Ghi ngày, tháng giám sát;

**Cột 1:** Ghi hộ số đúng như đã ghi ở phần định danh của phiếu điều tra;

**Cột 10:** Ghi tóm tắt câu hỏi số bao nhiêu/cột nào điều tra viên ghi sai;

**Cột 2, 3, 11 và 12:** Ghi 'x' vào cột tương ứng;

Cuối cùng, tổ trưởng và Chi Cục Thống kê huyện, quận ký, ghi rõ họ và tên mình vào vị trí dành sẵn và đóng dấu.

**Phụ lục 8: TỔNG CỤC THỐNG KÊ**  
**ĐIỀU TRA BIẾN ĐỘNG DÂN SỐ VÀ KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH THỜI ĐIỂM 1/4/2013**

**Báo cáo nhanh kết quả điều tra tại địa bàn**

Tỉnh/thành phố: \_\_\_\_\_   Tên địa bàn điều tra: \_\_\_\_\_

Huyện/quận: \_\_\_\_\_

Xã/phường: \_\_\_\_\_ Địa bàn điều tra số: \_\_\_\_\_

Tờ thứ \_\_\_\_ trong tổng số \_\_\_\_ tờ Thành thị = 1 / Nông thôn = 2: \_\_\_\_\_

STT	Hộ số	Họ và tên chủ hộ	Số tập phiếu điều tra	Số nhân khẩu thực tế thường trú			Số người chuyển đến từ 4/2012 đến 3/2013	Số trẻ em sinh từ 4/2012 đến 3/2013	Số người chết từ 4/2012 đến 3/2013
				Tổng số	Số nam	Số nữ			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
		<b>TỔNG SỐ</b>							

....., ngày ..... tháng ..... năm 2013

**TỔ TRƯỞNG ĐIỀU TRA**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

- Cách ghi:**
- Phần định danh:** Ghi tên tỉnh/thành phố, huyện/quận, xã/phường, tên và số của địa bàn điều tra, thành thị hoặc nông thôn như đã ghi trên Êtikét địa bàn điều tra;
  - Tờ thứ \_\_\_\_ trong tổng số \_\_\_\_ tờ:** Cách ghi giống như cách ghi mục "Đây là tập phiếu số \_\_\_\_ trong \_\_\_\_ tập phiếu" trên trang bìa của phiếu điều tra;
  - Cột 1:** Ghi số thứ tự của các hộ thuộc địa bàn đã điều tra theo số tự nhiên liên tục từ 001, 002, 003, ... cho đến hộ cuối cùng của địa bàn và ghi **tổng số hộ** vào dòng "TỔNG SỐ";
  - Cột 2, 3:** Ghi hộ số, họ và tên chủ hộ đúng như đã ghi ở phần định danh của phiếu điều tra. Ghi lần lượt từ hộ số nhỏ nhất đến hộ số lớn nhất. Cột 2 có thể trùng với Cột 1 (trong trường hợp không có hộ số cách quãng); nhưng cũng có thể không trùng với Cột 1 (trong trường hợp có hộ số cách quãng);
  - Cột 4 đến Cột 10:** Dựa vào kết quả đã ghi ở phần định danh trên trang bìa của phiếu để ghi số liệu tương ứng vào các cột này.
- Cuối cùng, tổ trưởng cộng **tổng** cho các **Cột 4 đến Cột 10** và ghi kết quả vào dòng "TỔNG SỐ"; ghi địa điểm, ngày lập báo cáo, đồng thời ký và ghi rõ họ và tên mình vào vị trí dành sẵn.

**Phụ lục 9: TỔNG CỤC THỐNG KÊ**

**ĐIỀU TRA BIẾN ĐỘNG DÂN SỐ VÀ KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH THỜI ĐIỂM 1/4/2013**

**Báo cáo nhanh kết quả điều tra**

Tỉnh/thành phố: \_\_\_\_\_

--	--

Tờ thứ \_\_\_\_\_ trong tổng số \_\_\_\_\_ tờ

ĐBĐT số	Tên địa bàn điều tra	Số hộ điều tra	Số tập phiếu điều tra	Số nhân khẩu thực tế thường trú			Số người chuyển đến từ 4/2012 đến 3/2013	Số trẻ em sinh từ 4/2012 đến 3/2013	Số người chết từ 4/2012 đến 3/2013
				Tổng số	Số nam	Số nữ			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	KHU VỰC THÀNH THỊ								
II	KHU VỰC NÔNG THÔN								
<b>TỔNG SỐ</b>									

....., ngày ..... tháng ..... năm 2013

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày ..... tháng ..... năm 2013

CỤC THỐNG KÊ TỈNH/THÀNH PHỐ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Cách ghi:**

**Tờ thứ \_\_\_ trong tổng số \_\_\_ tờ:** Cách ghi giống như cách ghi mục "Đây là tập phiếu số \_\_\_ trong \_\_\_ tập phiếu" trên trang bìa của phiếu điều tra;

**Cột 1:** Ghi số của địa bàn điều tra. Ghi lần lượt hết các địa bàn thành thị rồi đến các địa bàn nông thôn;

**Cột 2:** Tên địa bàn điều tra; ghi thật cụ thể nếu còn khoảng trống;

**Cột 3:** Sao từ dòng "Tổng số" của Cột 1 thuộc Mẫu số 1-BĐDS;

**Cột 4 đến Cột 10:** Sao từ dòng "Tổng số" của Cột 4 đến Cột 10 thuộc Mẫu số 1-BĐDS;

Sau đó, cán bộ lập báo cáo cộng **tổng** cho các **Cột 3 đến Cột 10** và ghi kết quả vào dòng "TỔNG SỐ". Riêng Cột 1, cán bộ lập báo cáo ghi tổng số địa bàn điều tra mẫu đã điều tra của tỉnh/thành phố. Cuối cùng, ghi địa điểm, ngày lập báo cáo, đồng thời ký và ghi rõ họ tên người lập báo cáo và Cục Thống kê tỉnh, thành phố (có đóng dấu) vào vị trí dành sẵn.



**Phụ lục 10: BẢNG CHUYỂN ĐỔI TRÌNH ĐỘ VĂN HOÁ PHỔ THÔNG**

Hệ thống giáo dục phổ thông để chuyển đổi		CÁC TRÌNH ĐỘ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG TƯƠNG ỨNG								Hệ thống giáo dục cả nước hiện nay
		Hệ thống thời Pháp thuộc	Từ năm 1945 đến 1954		Hệ thống bổ túc văn hoá	Hệ thống giáo dục Miền Bắc				
			Vùng tự do			Vùng tạm chiếm	Trước 1981	Từ Quảng Bình trở ra		
Cấp	Lớp	1945-1950	1950-1954					1981-1986	1986-1989	
Tiểu học	1	Lớp 5 đồng ấu (Cours enfantin)			Lớp năm tiểu học		Vỡ lòng	Lớp 1 phổ thông	Lớp 1 phổ thông	Lớp 1 phổ thông
	2	Lớp 4 (Cours préparatoire)	Lớp tư	Lớp 1	Lớp tư tiểu học	Lớp 1 BT VH	Lớp 1 PT	Lớp 2 phổ thông	Lớp 2 phổ thông	Lớp 2 phổ thông
	3	Lớp 3 (Cours elementaire) Đậu sơ học yếu lược	Lớp ba	Lớp 2	Lớp ba tiểu học	Lớp 2 BT VH	Lớp 2 PT	Lớp 3 phổ thông	Lớp 3 phổ thông	Lớp 3 phổ thông
	4	Lớp nhì năm thứ nhất (Moyen1) Lớp nhì năm thứ hai (Moyen2)	Lớp nhì	Lớp 3	Lớp nhì tiểu học	Lớp 3 BT VH	Lớp 3 PT	Lớp 4 phổ thông	Lớp 4 phổ thông	Lớp 4 phổ thông
	5	Lớp nhất (Supérieur) Đậu tiểu học (Certificat)	Lớp nhất	Lớp 4	Lớp nhất tiểu học	Lớp 4 BT VH	Lớp 4 PT	Lớp 5 phổ thông	Lớp 5 phổ thông	Lớp 5 phổ thông
Trung học cơ sở	6	Đệ nhất niên trung học (Première année)	Đệ nhất niên		Đệ thất trung học	Lớp 5 BT VH			Lớp 6 phổ thông	Lớp 6 phổ thông
	7	Đệ nhị niên trung học (Deuxième année)	Đệ nhị niên	Lớp 5	Đệ lục trung học	Lớp 6 BT VH	Lớp 5 PT	Lớp 6 phổ thông	Lớp 7 phổ thông	Lớp 7 phổ thông
	8	Đệ tam niên trung học (Troisième année)	Đệ tam niên	Lớp 6	Đệ ngũ trung học	Lớp 7 BT VH	Lớp 6 PT	Lớp 7 phổ thông	Lớp 8 phổ thông	Lớp 8 phổ thông
	9	Đệ tứ niên trung học (Quatrième année - Diplôme)	Đệ tứ niên	Lớp 7	Đệ tứ trung học	Lớp 7B BT VH	Lớp 7 PT			Lớp 9 phổ thông
Trung học phổ thông	10	Đệ nhất niên	Đệ nhất niên chuyên khoa	Lớp 8	Đệ tam	Lớp 8 BT VH	Lớp 8 PT	Lớp 10 phổ thông	Lớp 10 phổ thông	Lớp 10 phổ thông
	11	Đệ nhị niên, tú tài phần thứ nhất (Baccalauréat première partie)	Đệ nhị niên chuyên khoa	Lớp 9	Đệ nhị Tú tài I	Lớp 9 BT VH Lớp 10A BT VH	Lớp 9 PT	Lớp 11 phổ thông	Lớp 11 phổ thông	Lớp 11 phổ thông
	12	Đệ tam niên, thi tú tài toàn phần (Baccalauréat deuxième partie)	Đệ tam niên chuyên khoa		Đệ nhất Tú tài II	Lớp 10B BT VH	Lớp 10 PT	Lớp 12 phổ thông	Lớp 12 phổ thông	Lớp 12 phổ thông





**Phụ lục 3: QUY TRÌNH PHÒNG VẤN XÁC ĐỊNH  
NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TẠI HỘ**

**1. Xin ông/bà cho biết, trong hộ ta có những ai thường xuyên ăn ở tại hộ được 6 tháng trở lên không? (ghi họ tên của từng người vào giấy nháp);**

Trong số này, **loại ra:**

- Học sinh phổ thông trọ học, người đến thăm/đến chơi;
- Người nước ngoài chưa nhập quốc tịch Việt Nam, Việt kiều về thăm gia đình.

Nhưng, vẫn **được tính:** những người làm cho quân đội hoặc công an hiện đang cư trú tại hộ.

**2. Trong hộ ta có ai mới chuyển đến ăn ở tại hộ chưa được 6 tháng và trẻ em mới sinh trước ngày 1/4/2013 không? (nếu có, ghi bổ sung họ tên của từng người vào giấy nháp)**

Trong số này, **loại ra:**

- Trẻ em mới sinh từ ngày 1/4/2013 đến nay;
- Học sinh phổ thông trọ học, người đến thăm/đến chơi;
- Đến làm ăn và đã rời gia đình của họ dưới 6 tháng;

Nhưng, vẫn **được tính:** một số trường hợp chuyển đến chưa được 6 tháng (về nhà chồng, đến cả hộ, nghỉ hưu, bộ đội xuất ngũ, ...).

**3. Trong hộ ta có ai lâu nay vẫn thường xuyên ăn ở tại hộ nhưng hiện đang đi vắng không?**

*Nếu có, chỉ ghi bổ sung các đối tượng sau:*

- Đang nằm điều trị ở bệnh viện, đi thăm bà con, đi trọ học phổ thông, đi du lịch, v.v...;
- Rời gia đình dưới 6 tháng để đi làm ăn ở nơi khác (kể cả những người đi đánh bắt hải sản, đi trên các tàu viễn dương, đi buôn chuyển, đi công tác ... đã rời gia đình từ 6 tháng trở lên);
- Bị quân đội và công an tạm giam/giữ;
- Những người đang công tác, học tập, ... ở nước ngoài trong thời hạn quy định.

**4. Trong hộ ta có những ai lâu nay vẫn thường xuyên ăn ở tại hộ nhưng đã chết từ ngày 1/4/2013 không? (nếu có, ghi bổ sung)**

**Đọc danh sách các nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ để chủ hộ xác nhận, sau đó ghi vào phiếu điều tra.**